

Quy trình công bố thông tin

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP

Ban hành kèm theo Quyết định số **077**/QĐ-HĐQT ngày **03 / 3** /2015 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Hà nội, tháng 1 – 2015

Số: **077** /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày **03** tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình công bố thông tin của
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1- CÔNG TY CP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành; Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP; Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100104274 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/8/2014;
- Xét Tờ trình số: 077/TCT-TCCB-LĐ ngày 22/01/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP;
- Căn cứ kết quả xin ý kiến của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Căn cứ nhu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của của Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình công bố thông tin của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban Tổng công ty, Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, Giám đốc các công ty con, Người đại diện (phụ trách chung) phần vốn góp của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: ~~VP~~

- Như Điều 3;
- BKS TCT;
- ĐU, CĐ TCT;
- Lưu VP, HĐQT, TCCB-LĐ TCT.



Phạm Dũng

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG QUY TRÌNH	5
CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	8
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN	10
I. Yêu cầu công bố thông tin	10
II. Tạm hoãn công bố thông tin	10
III. Phương thức gửi tài liệu công bố thông tin	11
IV. Thực hiện công bố thông tin	11
CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ, BẤT THƯỜNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC	14
I. Báo cáo tài chính	14
II. Báo cáo tình hình quản trị công ty	21
III. Báo cáo thường niên	22
IV. Nghị quyết /Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	27
V. Các sự kiện liên quan đến tình trạng hoạt động của Tổng công ty	29
VI. Các sự kiện liên quan đến nhân sự chủ chốt	30
VIII. Công bố thông tin theo yêu cầu	32
IX. Công bố thông tin của đối tượng khác	33
1. Giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan	33
2. Giao dịch của cổ đông lớn	34
3. Giao dịch cổ phiếu quỹ	36
4. Giao dịch chào mua công khai	38
CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH	40
I. Công bố thông tin về chào bán chứng khoán	40
II. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu	40
1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	40
2. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	41
3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	42
CHƯƠNG IV: TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM	43
I. Trách nhiệm cung cấp thông tin và công bố thông tin	43
II. Chế tài xử lý vi phạm CBTT của Tổng công ty	43

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	45
PHỤ LỤC I: XỬ LÝ VI PHẠM CÔNG BỐ THÔNG TIN	46
PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU	50
PHỤ LỤC III: TÓM TẮT QUY ĐỊNH VỀ CBTT ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN.....	51

MỤC ĐÍCH QUY TRÌNH

“Quy trình công bố thông tin của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP” được biên soạn nhằm mục đích để Tổng công ty công bố thông tin tới thị trường chứng khoán và cổ đông của Tổng công ty một cách chính xác, kịp thời và chủ động. Từ đó, các bên quan tâm có thể tìm kiếm và tiếp cận thông tin được dễ dàng, nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong các hoạt động của Tổng công ty và công tác quản trị Tổng công ty.

Mục đích của việc công bố thông tin của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1:

Việc công bố thông tin phải do Người đại diện pháp luật (tức là Tổng giám đốc) hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện pháp luật (Tổng giám đốc) phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố (nếu Người đại diện pháp luật ủy quyền cho người ủy quyền CBTT thực hiện việc công bố thông tin).

Nguyên tắc 2:

Việc CBTT của Tổng công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc CBTT phải bảo đảm tính bảo mật thông tin đồng thời tránh việc lạm dụng yếu tố bí mật để che giấu thông tin hoặc đưa thông tin gây hiểu lầm nhằm mục đích trục lợi cá nhân, ngăn chặn các giao dịch nội gián.

Nguyên tắc 3:

Việc CBTT của Tổng công ty phải là một trong những công cụ quan trọng giúp phát triển mối quan hệ gắn kết giữa Tổng công ty với các cổ đông, các nhà đầu tư nhằm khuyến khích trao đổi cởi mở hai chiều, giữa Tổng công ty và các cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác truyền thông, các nhà môi giới và phân tích, các cơ quan quản lý thị trường; đồng thời là công cụ quan trọng để xây dựng thương hiệu cổ phiếu Cienco1 và quản lý hiệu quả kỳ vọng của cổ đông, nhà đầu tư

Nguyên tắc 4:

Việc CBTT của Tổng công ty tới các cổ đông, các nhà đầu tư phải đảm bảo hỗ trợ lãnh đạo Tổng công ty trong quá trình định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh, nhằm mục đích giúp cổ đông và nhà đầu tư hiểu và ủng hộ các quyết định chiến lược của Tổng công ty.

Mục đích của Quy trình là cung cấp các quy trình và công cụ cần thiết, phương thức và thời gian thực hiện dành cho Ban lãnh đạo, các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị và Phòng Quan hệ cổ đông của Tổng công ty, nhằm thực hiện hiệu quả việc CBTT theo yêu cầu quy định hiện hành và chủ động CBTT tới cổ đông, nhà đầu tư. Quy trình cũng xác định rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ của từng đối tượng tham gia để có thể xác định được trách nhiệm của từng cá nhân trước các nhiệm vụ, vi phạm có thể xảy ra.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG QUY TRÌNH

Quy trình hướng dẫn công bố thông tin bao gồm năm (05) chương và các Phụ lục đính kèm.

Chương I: Quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng với loại hình công ty đại chúng quy mô lớn (Cienco1).

Chương II: Công bố thông tin của định kỳ, bất thường và của một số đối tượng khác.

Chương III: Công bố thông tin về chào bán, phát hành theo quy định hiện hành.

Chương IV: Trách nhiệm cung cấp thông tin, công bố thông tin và chế tài xử lý vi phạm.

Chương V: Điều khoản thi hành.

Phụ lục I: Xử lý vi phạm công bố thông tin.

Phụ lục II: Danh mục các Mẫu biểu.

Phụ lục III: Tóm tắt qui định về CBTT đối với công ty đại chúng quy mô lớn

Các vấn đề được tóm tắt từ các quy định hiện hành của Pháp luật về công bố thông tin theo Căn cứ Pháp lý tại trang 6 và trong từng trường hợp cụ thể được dẫn chiếu đến các quy định tại các văn bản luật có liên quan để người sử dụng dễ dàng theo dõi. Bên cạnh đó, quy trình cung cấp sơ đồ quy trình thực hiện chi tiết và thuyết minh quy trình để Người sử dụng biết phân công nhiệm vụ, cách thức và thời gian thực hiện.

Ngoài ra, tại mỗi Chương, mục và tùy từng trường hợp cụ thể, Quy trình có tóm tắt tổng kết bằng các Lưu đồ thời gian để tiện theo dõi và sử dụng.

Sau đây là một số ký hiệu được sử dụng trong Quy trình:

Lưu ý



Trích dẫn nội dung của các văn bản pháp luật .

- (24h)** Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
- (72h)** Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
- (12h)** Thời gian muộn nhất đối tượng cung cấp thông tin cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng thông tin là mười hai (12) giờ.

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005;
2. Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
4. Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán;
5. Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
6. Thông tư số 130/2012/TT-BTC ngày 10/08/2012 hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;
7. Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng;
8. Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01/06/2011 hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
9. Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 về việc ban hành Quy trình thực hiện CBTT trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán;
10. Quyết định số 1078/QĐ-UBCK ngày 13/12/2012 về việc sửa đổi Quyết định số 515/QĐ-UBCK
11. Quyết định số 578/QĐ-UBCK ngày 04/08/2014 về việc Ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống CBTT của UBCKNN;
12. Quy chế công bố thông tin tại HNX ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-SGDHN ngày 24/07/2013.
13. Công văn số 5970/UBCK_QLPH ngày 30/10/2014 của Ủy bộ phận chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng;
14. Quyết định số 0730/QĐ/HĐQT –TCT của Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP ngày 24/11/2014 về việc thành lập Tổ cung cấp thông tin Tổng công ty.
15. Quyết định số..... /QĐ-HĐQT ngàycủa Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP về việc ban hành Quy trình công bố thông tin Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Tổng công ty, TCT Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP
- Cienco1 Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP
- ĐHĐCĐ Đại Hội Đồng Cổ đông
- HĐQT Hội đồng Quản trị Tổng công ty
- BTGD Ban Tổng Giám Đốc Tổng công ty
- BKS Ban kiểm soát
- CBTT Công bố thông tin
- QTCT Quản trị công ty
- Cổ đông Cổ đông của Cienco1
- QHCD Quan hệ cổ đông
- NĐT Nhà đầu tư
- BCTC Báo cáo tài chính
- BCTN Báo cáo thường niên
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK Sở Giao dịch chứng khoán
- HNX Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Website Trang thông tin điện tử của Tổng công ty XDCTGT1- Công ty CP.
- BTC Bộ Tài chính
- VSD Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- KTT Kế toán trưởng
- P.TCKT Phòng tài chính kế toán
- P.TCCB-LĐ Phòng tổ chức cán bộ - lao động
- P. KTVTTB Phòng kỹ thuật vật tư thiết bị
- P.KH Phòng kế hoạch
- P.ĐTPT Phòng Đầu tư phát triển

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn điều lệ thực góp từ 120 tỷ đồng trở lên được xác định tại Báo cáo tài chính năm gần nhất có kiểm toán hoặc theo kết quả phát hành gần nhất và có số lượng cổ đông không thấp hơn 300 cổ đông tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 hàng năm theo danh sách của UBCKNN công bố¹.

Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin (sau đây gọi tắt là **Hệ thống IDS**) tại UBCKNN là trang “**hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố**” và “**phần mềm hỗ trợ công bố thông tin**” trên IDS của UBCKNN đối với Công ty đại chúng

Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.

Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Thị trường giao dịch chứng khoán là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán.

Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu đã được phát hành bởi Tổng công ty và được mua lại bởi chính Tổng công ty.

Niêm yết chứng khoán là việc đưa các chứng khoán có đủ điều kiện vào giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán.

Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là doanh nghiệp kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.

Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCNY/TCĐKGD đã phát hành trừ đi số cổ phiếu quỹ của Tổng công ty.

Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

Đối tượng cung cấp thông tin của Tổng công ty là các phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty; các đơn vị trực thuộc; các công ty con; Người đại diện phụ trách chung phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết; các đối tượng khác chịu trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để phục vụ việc CBTT của TCT.

Tổ cung cấp thông tin của Tổng công ty là các cá nhân (lãnh đạo hoặc cán bộ chủ chốt) được cử từ các phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc, các công ty con/công ty liên kết có trách nhiệm cung cấp thông tin cần công bố (trong phạm vi lĩnh vực, công việc của đơn vị), đảm bảo kịp thời, chính xác để phục vụ việc CBTT của TCT.

¹ Điều 2.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

Lưu ý

Ngoài ra, trong Quy trình này, các trường hợp có nhắc tới SGDCK nhằm chỉ việc CBTT của TCT hoặc quy định áp dụng đối với SGDCK trong trường hợp Tổng công ty đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch tại SGDCK Hà Nội hoặc Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch tập trung tại Sàn Upcom.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN

I. Yêu cầu công bố thông tin

Yêu cầu công bố thông tin²

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về thông tin công bố.
- Việc CBTT của Tổng công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.
- Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK (nếu TCT đã thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tập trung) về nội dung thông tin công bố.
- Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT; ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống IDS), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản.
- Ngôn ngữ thực hiện CBTT phải là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định CBTT bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện CBTT bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.
- Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng CBTT phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN và SGDCK.
- Các đối tượng CBTT thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật

II. Tạm hoãn công bố thông tin³

- Trường hợp TCT không thể thực hiện CBTT đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn CBTT), các đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK (nếu có) ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn CBTT đối với những trường hợp khác mà đối tượng CBTT đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện CBTT ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
- Việc tạm hoãn CBTT của TCT được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện CBTT của TCT, UBCKNN và SGDCK (nếu có), trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.

² Điều 3 Thông tư 52/2012/TT-BTC và Điều 3 Quy chế công bố thông tin HNX

³ Điều 5 Thông tư 52/2012/TT-BTC

III. Phương thức gửi tài liệu công bố thông tin

Tổng công ty sau khi đã đăng ký sử dụng Hệ thống IDS (đối với UBCKNN), CIMS (đối với HNX, áp dụng khi TCT đã thực hiện đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; HSX chỉ sử dụng hệ thống email) và nhận được thông báo chấp thuận của UBCKNN, SGDCK cho phép sử dụng Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của từng cơ quan trên thì sẽ chỉ phải gửi thông tin công bố cho UBCKNN, SGDCK dưới hình thức dữ liệu điện tử qua Hệ thống, được miễn gửi thông tin công bố bằng hình thức văn bản. (Chi tiết kỹ thuật và cách thức gửi dữ liệu điện tử tới các Hệ thống trên xem hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 578/QĐ-UBCK ngày 04/08/2014)

Trường hợp TCT đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tập trung tại HNX: Riêng đối với BCTC năm kiểm toán và BCTC bán niên soát xét, ngoài việc gửi Báo cáo qua Hệ thống, các đối tượng này phải gửi thêm một (01) bản Báo cáo bằng văn bản đến HNX để thực hiện CBTT. BCTC năm kiểm toán và BCTC bán niên soát xét được gửi trực tiếp, chuyển qua đường bưu điện hoặc qua fax đến HNX. Trường hợp gửi qua fax thì bản chính phải được gửi đồng thời đến HNX trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời gian chuyển fax

Trường hợp Tổng công ty không thể gửi thông tin công bố qua Hệ thống vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số..., Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo ngay qua email đồng thời gọi điện thoại cho UBCKNN, SGDCK đề nghị hỗ trợ khắc phục sự cố. Trong trường hợp không thể khắc phục kịp thời, Tổng công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng hình thức văn bản đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua email đến UBCKNN, SGDCK theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK đúng thời hạn quy định⁴.

Đối với Cổ đông lớn; cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT của Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này; tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Cienco 1 phải gửi thông tin công bố cho UBCKNN dưới hình thức văn bản⁵

IV. Thực hiện công bố thông tin

1. Lập chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên trang Website của Tổng công ty và thường xuyên cập nhật thông tin theo quy định

Website phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông trong đó công bố các thông tin sau⁶:

- + Điều lệ Tổng công ty;
- + Quy chế quản trị nội bộ;
- + Bản cáo bạch, Bản CBTT (nếu có, trong trường hợp phát hành);
- + Các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo TT52/2012/TT-BTC;
- + Các thông tin liên quan đến Đại hội cổ đông thường niên/bất thường.
- + Thông tin công bố trên website phải nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) CBTT. Trừ khi có các quy định khác, các thông tin đăng tải trên Chuyên mục QHCD do Phòng Quan hệ cổ đông của Tổng công ty đảm nhiệm

⁴ Điều 6.4 Quy chế công bố thông tin HNX và Điều 7 QĐ số 578/QĐ-UBCK

⁵ Chương VI Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁶ Điều 4.3 Thông tư số 52/2012/TT- BTC

+ Địa chỉ website và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này phải được công khai và thông báo với UBCKNN, SGDCK (trường hợp đã niêm yết) trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập website hoặc ngày thay đổi về địa chỉ website này.

2. Ban hành Quy trình CBTT của Tổng công ty

Quy trình này ban hành theo Quyết định số _____/QĐ-HĐQT ngày ___/___/2015 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông1 – Công ty CP

3. Đăng ký thông tin liên hệ với UBCKNN, SGDCK (nếu có)

Tổng công ty đăng ký với UBCKNN, SGDCK (nếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tập trung tại SGDCK) thông tin liên hệ theo [mẫu số 1A](#) kèm theo Quy trình này, bao gồm: địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...

4. Đăng ký người thực hiện CBTT với UBCKNN, SGDCK

- Việc CBTT của Cienco1 phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện
- Trường hợp, Tổng công ty ủy quyền CBTT, TCT phải đăng ký với UBCKNN, SGDCK một (01) người được ủy quyền thực hiện CBTT, Sơ yếu lí lịch và Danh sách người có liên quan tới người này ([theo mẫu số 02A](#)) trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực.

5. Đăng ký sử dụng Hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK

- Tổng công ty phải đăng ký tham gia sử dụng IDS gửi UBCKNN (Cục CNTT), SGDCK, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hợp lệ, UBCKNN gửi thông báo cung cấp cho Tổng công ty Thông tin về tài khoản sử dụng IDS hoặc SGDCK chấp thuận niêm yết/ đăng ký giao dịch để gửi báo cáo vào thông tin công bố cho UBCKNN, SGDCK

6. Thông báo kịp thời với UBCKNN, SGDCK trường hợp Tổng công ty thay đổi thông tin đăng ký

- Trường hợp Tổng công ty có sự thay đổi thông tin liên hệ, Tổng công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho UBCKNN theo [mẫu số 1B](#) ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến thay đổi.
- Trường hợp thay đổi người được ủy quyền CBTT, Tổng công ty phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN theo [mẫu số 2B](#) ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi có sự thay đổi.
- Trường hợp Tổng công ty đã đăng ký sử dụng Hệ thống CBTT của UBCKNN, khi thay đổi người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT, Tổng công ty có nghĩa vụ CBTT theo quy định đồng thời làm thủ tục thay đổi thông tin chứng thư số theo hướng dẫn của UBCKNN.
- Khi Tổng công ty có Quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng thì phải CBTT trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi có Quyết định thay đổi.

7. Đối với các đối tượng khác

- Cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Cienco1 phải thực hiện báo cáo UBCKNN, Tổng công ty, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (nếu cần) đúng mẫu và đúng thời gian quy định theo hướng dẫn tại Chương II.

- Trường hợp đối tượng CBTT gửi thông tin công bố đến UBCKNN sai mẫu hoặc thiếu các thông tin yêu cầu, UBCKNN sẽ không công bố trên các phương tiện CBTT của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Trường hợp các đối tượng CBTT trên ủy quyền cho Tổng công ty hoặc Công ty chứng khoán thực hiện CBTT theo sự chấp thuận của UBCKNN, các đối tượng này phải thông báo cho SGDCK (nếu có).

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ, BẤT THƯỜNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

I. Báo cáo tài chính

BCTC là báo cáo được lập để phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và luồng tiền của một doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp và các nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán áp dụng cho một số ngành, lĩnh vực đặc thù (bảo hiểm, chứng khoán) đã được BTC ban hành.

Tổng công ty có nghĩa vụ CBTT BCTC quý, BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC năm đã được kiểm toán.

1. Báo cáo tài chính năm

- BCTC năm của Tổng công ty (Công ty đại chúng quy mô lớn) phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận⁷ do ĐHĐCĐ lựa chọn hoặc HĐQT (trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền) lựa chọn.
- Tổng công ty phải CBTT về BCTC năm bao gồm BCTC năm của Công ty Mẹ và BCTC năm hợp nhất.

Thời hạn CBTT⁸

- Chậm nhất là mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký cáo báo kiểm toán
- Không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Nội dung BCTC năm

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh BCTC và Phụ lục (đối với trường hợp Bản thuyết minh BCTC có chỉ dẫn đến Phụ lục). Bản thuyết minh BCTC phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định Pháp luật về kế toán, phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT BCTC năm

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian (*) cung cấp	Thời gian (*) CBTT	Đối tượng sử dụng
Báo cáo tài chính Công ty	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 20/03/X	Muộn nhất 31/03/X	- Trường BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông

⁷ Điều 10.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁸ Điều 7.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

mẹ năm (X-1) đã được kiểm toán.				làm đầu mỗi tổng hợp để trình TGD công bố.
Trong đó				
BCTC Văn phòng TCT	Phòng TCKT TCT	Muộn nhất 1/03/X		Kế toán trưởng TCT
BCTC các đơn vị trực thuộc	Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc	Muộn nhất 1/03/X		Kế toán trưởng TCT
Báo cáo tài chính Hợp nhất năm (X-1) đã được kiểm toán.	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 29/03/X	Muộn nhất 31/03/X	- Trưởng BKS kiểm tra . - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mỗi tổng hợp để trình TGD công bố.
Trong đó				
BCTC các công ty con đã được kiểm toán	Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung phần vốn TCT tại các công ty con	Muộn nhất 20/03/X		Kế toán trưởng TCT

(*) Trường hợp mốc thời gian nói trên trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, thì phải điều chỉnh vào ngày làm việc liền trước đó.

2. Báo cáo tài chính bán niên

- BCTC bán niên 06 tháng đầu năm tài chính phải được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán BCTC năm của TCT.
- Tổng công ty phải CBTT về BCTC bán niên bao gồm BCTC 06 tháng đầu năm của Công ty Mẹ và BCTC bán niên hợp nhất.

Thời hạn CBTT⁹

- Chậm nhất là năm (05) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo bán niên hợp nhất đã được soát xét và BCTC bán niên của Công ty mẹ.
- Không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

Nội dung BCTC bán niên soát xét

- (1), (2), (3) và (4) tương tự nội dung công bố BCTC năm
- Báo cáo soát xét của tổ chức kiểm toán

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT BCTC bán niên

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian (*) cung cấp	Thời gian (*) CBTT	Đối tượng sử dụng
BCTC bán niên	Kế toán	Muộn nhất	Muộn nhất	- Trưởng BKS kiểm tra

⁹ Điều 10.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

năm X của Công ty mẹ	trưởng Tổng công ty	19/08/X	29/08/X	- Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
Trong đó				
BCTC Văn phòng TCT	Phòng TCKT TCT	Muộn nhất 10/08/X		Kế toán trưởng TCT
BCTC các đơn vị trực thuộc	Giám đốc, KTT các đơn vị trực thuộc	Muộn nhất 10/08/X		Kế toán trưởng TCT
BCTC bán niên hợp nhất năm X đã được soát xét	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 27/08/X	Muộn nhất 29/08/X	- Trưởng BKS kiểm tra - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
Trong đó				
BCTC các công ty con	Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung phần vốn TCT tại các công ty con	Muộn nhất 19/08/X		Kế toán trưởng TCT

(*) Trường hợp mốc thời gian nói trên trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, thì phải điều chỉnh vào ngày làm việc liền trước đó.

3. Báo cáo tài chính quý (Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV)

Thời hạn CBTT¹⁰

- Chậm nhất là bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng công ty phải công bố thông tin Báo cáo tài chính quý của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nội dung BCTC quý

- (1), (2), (3) và (4) tương tự nội dung công bố BCTC năm
- Giải trình rõ nguyên nhân trong BCTC quý đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại BCKQKD giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ¹¹. Đồng thời, TCT phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả BCKQKD công ty Mẹ và BCKQKD hợp nhất.

Lưu ý

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế:

- Tổng công ty chủ động có Thông cáo báo chí phân tích chi tiết về sự tăng, giảm của kết quả kinh doanh (Earning Release) trong kỳ đó để cổ đông, cộng đồng NĐT có sự cập nhật và đánh giá đúng về cổ phiếu của Cienco1.

¹⁰ Điều 10.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC

¹¹ Điều 10.3.2

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT BCTC quý hàng năm

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian(*) cung cấp	Thời gian (*) CBTT	Đối tượng sử dụng
BCTC Công ty mẹ và hợp nhất quý I năm X	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 13/05/X	Muộn nhất 15/05/X	- Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
<u>Trong đó</u>				
<i>BCTC Văn phòng TCT</i>	<i>Phòng TCKT TCT</i>	<i>Muộn nhất 30/04/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Giám đốc, KTT các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Muộn nhất 30/04/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các công ty con</i>	<i>Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung phần vốn TCT tại các công ty con</i>	<i>Muộn nhất 5/05/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
BCTC Công ty mẹ và hợp nhất quý II năm X		Muộn nhất 12/08/X	Muộn nhất 14/08/X	- Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
<u>Trong đó</u>				
<i>BCTC Văn phòng TCT</i>	<i>Phòng TCKT TCT</i>	<i>Muộn nhất 30/07/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Giám đốc, KTT các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Muộn nhất 30/07/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các công ty con</i>	<i>Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung phần vốn TCT tại các công ty con</i>	<i>Muộn nhất 5/08/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
BCTC Công ty mẹ và hợp nhất quý III năm X	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 12/11/X	Muộn nhất 14/11/X	- Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
<u>Trong đó</u>				
<i>BCTC Văn phòng TCT</i>	<i>Phòng TCKT TCT</i>	<i>Muộn nhất 30/10/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Giám đốc, KTT các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Muộn nhất 30/10/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các công ty con</i>	<i>Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung</i>	<i>Muộn nhất 5/11/X</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>

	<i>phần vốn TCT tại các công ty con</i>			
BCTC Công ty mẹ và hợp nhất quý IV năm X	Kế toán trưởng TCT	Muộn nhất 12/02/X+1	Muộn nhất 14/02/X + 1	- Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
Trong đó				
<i>BCTC Văn phòng TCT</i>	<i>Phòng TCKT TCT</i>	<i>Muộn nhất 30/01/X+1</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Giám đốc, KTT các đơn vị trực thuộc</i>	<i>Muộn nhất 30/01/X+1</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>
<i>BCTC các công ty con</i>	<i>Giám đốc, KTT, Người đại diện phụ trách chung phần vốn TCT tại các công ty con</i>	<i>Muộn nhất 5/02/X+1</i>		<i>Kế toán trưởng TCT</i>

(*) Trường hợp mốc thời gian nói trên trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, thì phải điều chỉnh vào ngày làm việc liền trước đó.

4. Các sự kiện liên quan tới BCTC

Mẫu CBTT: [Mẫu số 03](#)

Các sự kiện và thời hạn CBTT

- (24h) Khi báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổng công ty¹²
- Giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/ lưu ý của tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm đã được kiểm toán và BCTC bán niên đã được soát xét¹³

Lưu ý

Giải trình ý kiến ngoại trừ/ lưu ý của đơn vị kiểm toán:

- Nêu rõ nguyên nhân, ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh (nếu có), giải pháp khắc phục.
- Đối với các ảnh hưởng có thể lượng hóa được nhưng trong BCTC kiểm toán/soát xét chưa nêu rõ, Tổng công ty cần chủ động đánh giá giá trị ảnh hưởng và có xác nhận của đơn vị kiểm toán.

Điều 7.1.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC

Ý kiến kiểm toán về BCTC năm phải được đăng tải trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ BCTC năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp BCTC năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo;

¹² Điều 8.1.6 Thông tư 52/2012/TT-BTC

¹³ Điều 10.4 Thông tư 52/2012/TT-BTC

- (24) Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do Tổng công ty phải CBTT theo quy định của Pháp luật khác với số liệu tài chính tại BCTC được kiểm toán.¹⁴

Lưu ý

Giải trình nên có Bảng so sánh và nêu rõ những mục đã được điều chỉnh và lý do điều chỉnh giữa BCTC được kiểm toán so với BCTC công ty tự lập.

- (24) Khi có kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)¹⁵
- (24) Khi ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm, khi thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc khi công ty kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC¹⁶. Cienco1 nên nêu rõ nguyên nhân.

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT các sự kiện liên quan đến BCTC.

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Các sự kiện liên quan tới BCTC	P. TCKT	12h	24h	- Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quản lý cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để CBTT.

¹⁴ Điều 11.1.6 Thông tư 52/2012/TT-BTC

¹⁵ Điều 8.1.6 Thông tư 52/2012/TT-BTC

¹⁶ Điều 8.1.6 Thông tư 52/2012/TT-BTC

BẢNG TÓM TẮT NỘI DUNG BCTC VÀ CÁC SỰ KIỆN LIÊN QUAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ	BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM
<ul style="list-style-type: none"> ✚ Bảng cân đối kế toán ✚ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ✚ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ✚ Bản thuyết minh BCTC và Phụ lục ✚ Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại BCKQKD giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ 	<ul style="list-style-type: none"> ✚ Bảng cân đối kế toán ✚ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ✚ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ✚ Bản thuyết minh BCTC và Phụ lục ✚ Báo cáo soát xét của tổ chức kiểm toán ❖ Giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý của tổ chức kiểm toán (nếu có) ❖ (24h) Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> ✚ Bảng cân đối kế toán ✚ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ✚ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ✚ Bản thuyết minh BCTC và Phụ lục ✚ Báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán ❖ (24h) BC kiểm toán có ý kiến ngoại trừ/ không chấp nhận/từ chối của tổ chức kiểm toán (nếu có) ❖ Giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý của tổ chức kiểm toán (nếu có) ❖ (24h) Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có) ❖ (24h) Giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải CBTT theo quy định của Pháp luật khác với số liệu tài chính tại BCTC được kiểm toán (nếu có) ❖ (24h) Ký hợp đồng kiểm toán; Thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký); Công ty kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC
<p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✚ Nội dung BCTC ❖ Các sự kiện liên quan tới BCTC 		

II. Báo cáo tình hình quản trị công ty

- Báo cáo tình hình quản trị công ty (QTCT) là báo cáo tóm tắt về tình hình quản trị của Tổng công ty. Thông qua báo cáo này, NĐT biết được cơ cấu HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao như thế nào. Báo cáo tình hình QTCT tốt sẽ giúp xây dựng niềm tin của NĐT đối với Tổng công ty.
- TCT phải CBTT trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp đã niêm yết) về tình hình quản trị TCT sáu (06) tháng và năm.

Thời hạn CBTT¹⁷

- Chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo:
 - **Báo cáo tình hình QTCT sáu (06) tháng:** Ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm
 - **Báo cáo tình hình QTCT năm:** Ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc năm

Mẫu CBTT¹⁸

Theo mẫu số 04 kèm theo Quy trình này bao gồm hai (02) bản:

- Một (01) bản cung cấp đầy đủ các nội dung theo [mẫu số 04](#) kèm theo Quy trình này
- Một (01) bản CBTT ra thị trường theo mẫu số 04 kèm theo Quy trình này nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân (tài khoản giao dịch chứng khoán, số CMND/ số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ) của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan)
- *Mục III mẫu số 04 kèm theo Quy trình này:* Chỉ nêu danh sách thay đổi trong kỳ báo cáo của cổ đông nội bộ, được ủy quyền CBTT và người có liên quan (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của Công ty)
- *Khoản 1 Mục IV mẫu số 04 kèm theo Quy trình này:* Bao gồm danh sách cổ đông nội bộ, được ủy quyền CBTT và người có liên quan (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của Công ty)

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT Quản trị công ty (QTCT):

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian (*) cung cấp (muộn nhất)	Thời gian (*) CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Báo cáo tình hình QTCT 6 tháng đầu năm X	Thư ký HĐQT	25/07/X	30/07/X	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra . - Phòng Quản lý cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
Trong đó: Cung cấp các tài liệu	Các phòng nghiệp vụ liên quan	20/07/X		Thư ký HĐQT
Báo cáo tình hình QTCT năm (X -1)	Thư ký HĐQT	25/01/X	30/01/X	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra . - Phòng Quản lý cổ đông

¹⁷ Điều 7.3.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

¹⁸ Mẫu Phụ lục III Thông tư 52/2012/TT-BTC

				làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
Trong đó: Cung cấp các tài liệu	Các phòng nghiệp vụ liên quan	20/01/X		Thư ký HĐQT

(*) Trường hợp mốc thời gian nói trên trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, thì phải điều chỉnh vào ngày làm việc liền trước đó.

Lưu ý:

Để lập một Báo cáo tình hình QTCT có hiệu quả cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Báo cáo cần nêu đầy đủ các cuộc họp HĐQT đã diễn ra trong kỳ báo cáo, kết luận, Quyết nghị của HĐQT sau mỗi cuộc họp. Đánh giá kết quả thực hiện các Quyết nghị đó. Trường hợp có nội dung chưa thực hiện được trong kỳ, cần nêu rõ nguyên nhân và phương hướng khắc phục;
- *Mục các giao dịch khác:* Cần nêu chi tiết các giao dịch của cổ động nội bộ/cổ đông lớn và người có liên quan với chính công ty (chỉ nêu các giao dịch diễn ra trong kỳ báo cáo), đồng thời cung cấp thông tin về loại giao dịch, thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc giao dịch...

III. Báo cáo thường niên

- BCTN là một trong những công cụ hữu hiệu giúp NĐT hiểu rõ hơn về hoạt động và tình hình tài chính trong quá khứ, hiện tại cũng như các kế hoạch, dự án trong tương lai của Tổng công ty

Thời hạn CBTT¹⁹

Chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán.

Mẫu CBTT²⁰

- Theo [mẫu 05](#) kèm theo Quy trình này
- Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT Báo cáo thường niên (BCTN):

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Nội dung BCTN năm (X-1)	Phòng Quan hệ cổ đông tổng hợp lập BCTN	15/04/X	20/04/X <i>Và chậm nhất 20 ngày sau</i>	-HĐQT thông qua -Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.

¹⁹ Điều 7.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²⁰ Điều 7.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

Trong đó:			<i>khi công bố BCTC năm được kiểm toán</i>	
1. Thông tin chung về TCT: lịch sử, ngành nghề kinh doanh, mô hình quản trị	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	20/03/X		Phòng Quan hệ cổ đông tổng hợp lập BCTN
2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý; Tổ chức và nhân sự	P. TCCB – LĐ	20/03/X		
3. Định hướng phát triển	- Thư ký HĐQT - Văn phòng TCT	20/03/X		
4. Rủi ro và quản trị rủi ro	-BKS	20/03/X		
5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Chi nhánh và Phòng, ban nghiệp vụ liên quan	20/03/X		
6. Tình hình tài chính	P. TCKT	30/03/X		
7. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư	-P. ĐTPT -P.KH	20/03/X		
8. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	P. TCKT	20/03/X		
9. Báo cáo đánh giá của BTGD	-Văn phòng TCT	20/03/X		
10. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của TCT	- Thư ký HĐQT	20/03/X		
11. Quản trị công ty	Thư ký HĐQT	20/03/X		
12. BCTC năm được kiểm toán	P. TCKT	30/03/X		

(*) Trường hợp mốc thời gian nói trên trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, thì phải điều chỉnh vào ngày làm việc liền trước đó.

Lưu ý: Để lập BCTN, Tổng công ty cần có sự chuẩn bị kỹ càng, thu thập, tổng hợp các dữ liệu thông tin cần thiết. Việc xây dựng và thực hiện Quy trình công bố thông tin nội bộ chặt chẽ và nghiêm túc sẽ hỗ trợ giảm đáng kể thời gian thu thập dữ liệu thông tin. Các nội dung của BCTN cần đầy đủ, chính xác và thống nhất với thông tin tại

BCTC năm đã được kiểm toán và các thông tin khác đã công bố, nêu bật được tình hình hoạt động và những biến động, thay đổi lớn của Tổng công ty trong năm vừa qua. Ngoài việc hoàn thiện nội dung, Tổng công ty nên chú trọng đến hình thức thể hiện thông tin sao cho hiệu quả, sáng tạo, gần gũi với người đọc và có dấu ấn riêng. Trang bìa và các hình ảnh minh họa bên trong cần truyền tải được tới người đọc thông điệp về sứ mệnh, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi của công ty hoặc truyền tải một ý tưởng sáng tạo, xuyên suốt toàn bộ báo cáo. Việc sử dụng một cách hợp lý các đồ thị, biểu đồ, hình ảnh minh họa sẽ làm cho báo cáo thêm sinh động, tăng khả năng truyền tải thông tin và hấp dẫn người đọc.

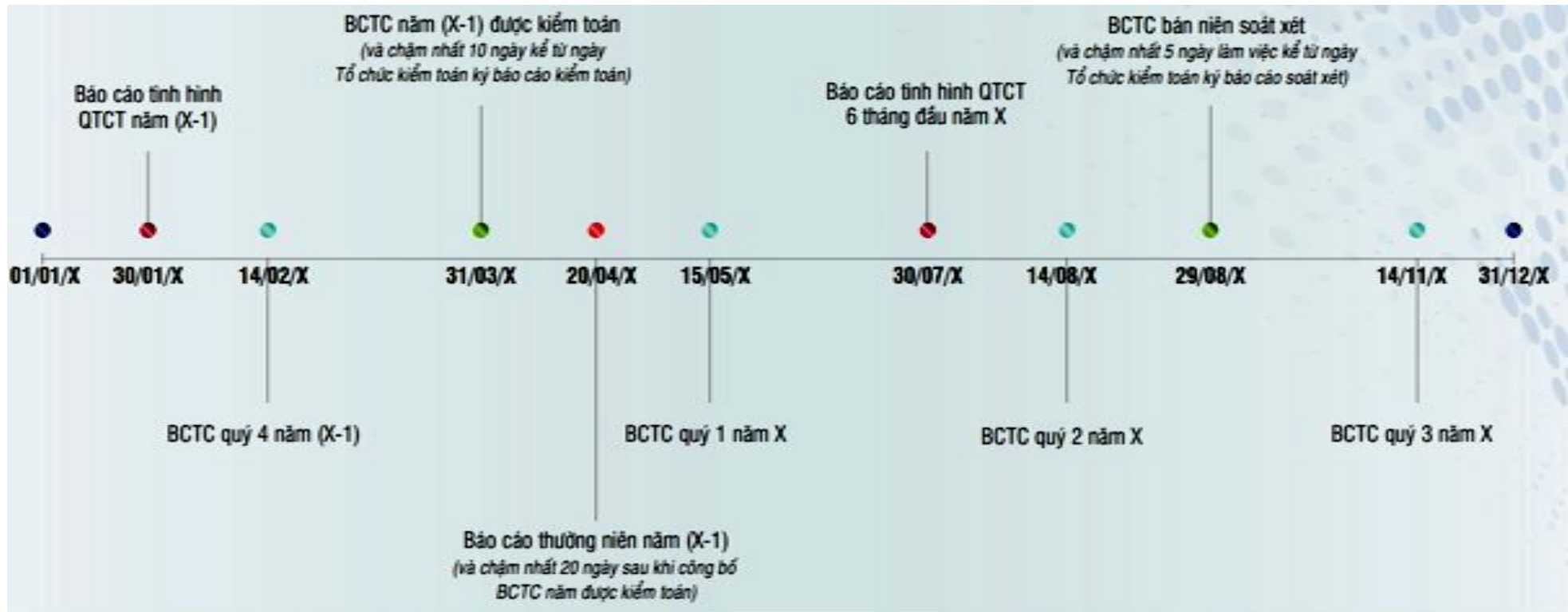
Một số lưu ý chi tiết:

- BCTN phải có đầy đủ các nội dung theo mẫu số 05 kèm theo Quy trình này. Nội dung nào không có, nêu rõ là không có. (Ví dụ: Công ty không có công ty con, công ty liên kết...).
- **Định hướng phát triển:** Cần nêu rõ sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty. Nội dung này cần được giới thiệu đầy đủ và chi tiết để các NĐT có thể thấy được khả năng phát triển dài hạn của công ty trong tương lai. Điều này còn giúp các NĐT yên tâm về quyết định đầu tư của mình.
- **Rủi ro và quản trị rủi ro:** Các loại rủi ro nên được phân tích một cách cụ thể và hợp lý cũng như đưa ra những giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, giảm thiểu, hạn chế tác động tiêu cực có thể xảy ra. Điều này giúp các NĐT tin tưởng hơn vào khả năng đạt được mục tiêu, kế hoạch tài chính mà doanh nghiệp đã đưa ra.
- **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:** cần nêu những thay đổi và biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm và nguồn cung cấp và/hoặc nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).
- **Tình hình tài chính:** phân tích các chỉ tiêu tài chính (Tổng tài sản, Doanh thu thuần, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu về khả năng sinh lời...), so sánh kết quả hoạt động trong năm với các chỉ tiêu kế hoạch và so sánh với năm liền kề để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (02) năm gần nhất. Các số liệu tài chính quan trọng nên trình bày từ ba (03) đến năm (05) năm liên tục và có ý nghĩa so sánh. Bên cạnh đó, cần so sánh kết quả hoạt động của công ty với bộ tiêu chí chuẩn của đặc thù ngành, so sánh với các công ty khác trong cùng ngành.
- **Báo cáo và đánh giá của BTGD:** Ngoài các phân tích tổng quan những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm, báo cáo cần nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của BTGD đối với kết quả kinh doanh của công ty cũng như những nỗ lực cải tiến của BTGD về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Báo cáo cần phân tích về biến động tình hình tài sản và nợ phải trả cũng như ảnh hưởng của các biến động này đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp. Báo cáo cần chú trọng hơn vào việc cung cấp cho HĐQT và các cổ đông một kế hoạch kinh doanh đầy đủ, chi tiết cùng với các phân tích đánh giá của BTGD và HĐQT về tính khả thi và năng lực thực hiện kế hoạch của Tổng công ty, tránh việc chỉ đưa ra các con số chung chung. BTGD cần giải trình trong trường hợp ý kiến kiểm toán tại BCTC không phải là ý kiến chấp thuận toàn bộ.

- **Đánh giá của HĐQT:** HĐQT cần có những phân tích, đánh giá sâu về hoạt động của công ty, đặc biệt về mức độ hiệu quả trong hoạt động điều hành của BGD. HĐQT cũng cần nêu rõ các kế hoạch và định hướng hoạt động trong tương lai.
- **Tình hình quản trị công ty nêu trong BCTN tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:**
 - Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành;
 - Hoạt động của các tiểu bộ phận của HĐQT;
 - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
 - Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên BTGD điều hành và thành viên BKS;
 - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty, của các thành viên HĐQT, BTGD điều hành, BKS, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, BTGD điều hành, BKS và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - Số lượng thành viên HĐQT, BTGD điều hành và BKS đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
 - Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
- **BCTC năm được kiểm toán** cần được đính toàn văn trong BCTN. Tổng công ty phải lập BCTC hợp nhất thì BCTC được trình bày trong BCTN là BCTC hợp nhất, đồng thời nêu địa chỉ công bố BCTC của công ty mẹ.

LƯU ĐỒ THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN



Lưu ý:

- Kỳ kế toán từ 01/01/X đến 31/12/X
- Tháng 2: 28 ngày

IV. Nghị quyết /Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT Mẫu CBTT

Theo [mẫu số 03](#) kèm theo Quy trình này và tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Các sự kiện và thời hạn CBTT

- (24h) Khi ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ (kèm theo Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 96 của Luật Doanh nghiệp²¹

Lưu ý: *CBTT định kỳ về Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.*

Tổng công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường trên website đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập website về việc họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ cho các cổ đông trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ chậm nhất là mười lăm (15) ngày. Tài liệu họp phải công bố bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Yêu cầu về Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Phải bao gồm đầy đủ, cụ thể các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua/không thông qua tại ĐHĐCĐ, tránh trường hợp ghi tóm tắt thông tin.
- Phải thống nhất với nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ.
- Phải đính kèm các báo cáo, tờ trình được thông qua tại ĐHĐCĐ nếu Nghị quyết có chỉ dẫn đến các báo cáo, tờ trình đó. Các báo cáo, tờ trình nên được đánh số để tiện cho việc viện dẫn, trích lục và lưu trữ thông tin.

- (24h) Khi ban hành Quyết định của HĐQT về việc mua lại cổ phiếu của TCT hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật DN; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của TCT²²
- (24h) Khi ban hành Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (kèm theo Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu²³
- (24h) Khi quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi²⁴

²¹ Điều 8.1.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²² Điều 8.1.4 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²³ Điều 8.1.5 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²⁴ Điều 8.1.10 Thông tư 52/2012/TT-BTC

- **(24h)** Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của Tổng công ty vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét ²⁵
- **(24h)** Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của Tổng công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét ²⁶
- **(24h)** Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;²⁷
- **(72h)** Khi có quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, đầu tư hoặc không còn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết ²⁸

Lưu ý: *Trường hợp trong một cuộc họp HĐQT thông qua nhiều nội dung nhưng có một số nội dung thuộc về bí mật của doanh nghiệp không có nghĩa vụ phải công bố, Tổng công ty nên tách thành nhiều Nghị quyết/Quyết định để thuận tiện cho việc CBTT theo quy định.*

- Nội dung CBTT cần làm rõ:
 - Nội dung sự kiện;
 - Thời điểm xảy ra sự kiện;
 - Nguyên nhân;
 - Nhận định, đánh giá về mức độ ảnh hưởng hoặc tổn thất phát sinh (nếu có);
 - Kế hoạch và các giải pháp khắc phục, những khó khăn, vướng mắc sẽ gặp phải trong việc khắc phục thực trạng của doanh nghiệp (nếu có).
- Tổng Công ty cần CBTT về tiến độ khắc phục cùng với lý do không hoàn thành kế hoạch (nếu có) kèm theo đánh giá về khả năng khắc phục hoàn toàn sự cố để NĐT có thể theo dõi đủ về diễn tiến của quá trình khắc phục sự cố.

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT cho các sự kiện liên quan tới Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	<i>Thư ký ĐHĐCĐ Thư ký HĐQT</i>	12h	24h	Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi và làm đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.

²⁵ Điều 11.1.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²⁶ Điều 11.1.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²⁷ Điều 11.1.4 Thông tư 52/2012/TT-BTC

²⁸ Điều 8.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

V. Các sự kiện liên quan đến tình trạng hoạt động của Tổng công ty Mẫu CBTT

- Theo [mẫu số 03](#) kèm theo Quy trình này và tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố
- Riêng đối với nội dung thay đổi liên quan đến Giấy CNĐKKD thực hiện [theo mẫu 06](#) kèm theo Quy trình và tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Các sự kiện và thời hạn CBTT

- **(24h)** Khi tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;²⁹
- **(24h)** Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;³⁰
- **(24h)** Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;³¹
- **(24h)** Khi tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;³²
- **(24h)** Khi Tổng công ty bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;³³
- **(24h)** Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.³⁴
- **(24h)** Khi có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán³⁵

Lưu ý: Để xác định được thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán cần phải công bố, cần xem xét đến tính trọng yếu của thông tin. Đặc tính trọng yếu phản ánh mức độ quan trọng của các thông tin mà nếu không công bố hoặc công bố sai lệch sẽ ảnh hưởng tới các quyết định kinh tế của người sử dụng thông tin.

- Đối với các sự kiện nêu trên, nội dung công bố cần làm rõ:
 - + Nội dung sự kiện;
 - + Thời điểm xảy ra sự kiện;
 - + Nguyên nhân;
 - + Nhận định, đánh giá của công ty về mức độ ảnh hưởng hoặc tổn thất phát sinh (nếu có);
 - + Kế hoạch và các giải pháp khắc phục, những khó khăn, vướng mắc sẽ gặp phải trong việc khắc phục thực trạng của doanh nghiệp (nếu có).
- Tổng công ty cần đưa ra các thông tin mang tính định lượng liên quan đến các sự kiện phải công bố, tránh các thông tin chung chung dẫn tới việc suy đoán của NĐT.
- Tổng công ty cần CBTT về tiến độ khắc phục cùng với lý do không hoàn thành kể

²⁹ Điều 8.1.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³⁰ Điều 8.1.9 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³¹ Điều 8.1.8 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³² Điều 8.1.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³³ Điều 11.1.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³⁴ Điều 8.1.13 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³⁵ Điều 3.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

hoạch (nếu có) kèm theo đánh giá về khả năng khắc phục hoàn toàn sự cố để NĐT có thể theo dõi đủ về diễn biến của quá trình khắc phục sự cố.

- (24h) Khi nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp³⁶
- (24h) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại TTLKCK³⁷
- (72h) Khi có được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDK nước ngoài.³⁸

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT cho các sự kiện liên quan tới tình trạng hoạt động của Tổng công ty:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
1. Về Giấy phép kinh doanh	<i>P.TCCB – LĐ</i>	12h	24h	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra . - Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi và đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.
2. Về tài chính, tài khoản ngân hàng, thuế	<i>P. TCKT</i>	12h	24h	
3. Về giá chứng khoán, số cổ phiếu đang lưu hành, mua bán cổ phiếu quỹ TCT...	<i>P. ĐTPT; P.TCKT</i> - Phòng Quan hệ cổ đông. - Các phòng nghiệp vụ liên quan	12h	24h	
4. Về quyết định của Tòa án	<i>P.TCCB – LĐ</i>	12h	24h	
5. Sự kiện ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình QTCT	<i>P.KH,</i> <i>P. ĐTPT và các đơn vị, phòng nghiệp vụ liên quan trực tiếp</i>	12h	24h	

VI. Các sự kiện liên quan đến nhân sự chủ chốt

Thay đổi nhân sự

Mẫu CBTT

Theo [mẫu số 07](#) kèm theo Quy trình này và Quyết định của HĐQT và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự. Đối với trường hợp bổ nhiệm, TCT phải gửi kèm SYLL của người mới bổ nhiệm và Danh sách người có liên quan .

³⁶ Điều 8.1.11 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³⁷ Điều 8.1.12 Thông tư 52/2012/TT-BTC

³⁸ Điều 11.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

Thời hạn CBTT

- (24h) Khi có quyết định thay đổi nhân sự chủ chốt của Tổng công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, hoặc Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng);

✚ **Khi có quyết định của Tòa án đối với nhân sự chủ chốt**

Mẫu CBTT

Theo [mẫu số 03](#) kèm theo Quy trình và tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Thời hạn CBTT

- (24h) Khi có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát của Tổng công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.³⁹

Lưu ý:

Nội dung CBTT bao gồm:

- Tên người bị khởi tố;
- Chức vụ tại Tổng công ty của người bị khởi tố;
- Nội dung của Quyết định khởi tố;
- Đánh giá của Tổng công ty về hậu quả hoặc thiệt hại mà người bị khởi tố có thể gây ra hoặc đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có);
- Hình thức kỷ luật mà công ty dự kiến (hoặc đã) áp dụng đối với người bị khởi tố.

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT cho các sự kiện liên quan tới nhân sự chủ chốt của Tổng công ty:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Sự kiện liên quan tới nhân sự chủ chốt của Tổng công ty	<i>P. TCCB – LD</i>	12h	24h	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra. - Phòng Quan hệ cổ đông đầu mối tổng hợp trình TGD để công bố.

VII. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

- Tổng công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Lưu ý:

Tài liệu nộp cho TTLKCK, UBCKNN bao gồm:

³⁹ Điều 8.1.8 Thông tư 52/2012/TT-BTC

- Thông báo về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu bao gồm các thông tin chính như sau: tên công ty, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại & fax, sàn giao dịch (nếu có), mã chứng khoán, ngày đăng ký cuối cùng, lý do và mục đích chốt danh sách, nội dung chốt danh sách, thời gian địa điểm thực hiện quyền...;
- Nghị quyết ĐHCĐ/HĐQT liên quan đến việc thực hiện quyền cho cổ đông (nếu có);
- Các tài liệu kèm theo khác.

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT cho các sự kiện liên quan tới ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	12h	24h	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra . - Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi báo cáo TGD để CBTT.

VIII. Công bố thông tin theo yêu cầu

- Tổng công ty phải CBTT theo yêu cầu trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN trong các sự kiện sau:
 - (24h) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng tới lợi ích hợp pháp của NĐT
 - (24h) Khi có thông tin liên quan đến TCT ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

Lưu ý:

Tổng công ty chủ động CBTT đối với các sự kiện xảy ra tại Tổng công ty, xác minh các tin đồn, giải trình cụ thể các vấn đề... để có thông tin nhanh nhất tới công chúng đầu tư. Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT theo yêu cầu của UBCKNN:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian cung cấp (muộn nhất)	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng
Sự kiện nghiêm trọng, các tin đồn...	-VP TCT -Thư ký HĐQT -Phòng nghiệp vụ có liên	12h	24h	- HĐQT thông qua - Trưởng BKS kiểm tra - Phòng Quan hệ cổ đông làm đầu mối theo dõi, tiếp nhận

	quan			báo cáo TGD để công bố.
--	------	--	--	-------------------------

IX. Công bố thông tin của đối tượng khác

1. Giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan đến các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Tổng công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HNX (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu,...) phải báo cáo UBCKNN và Cienco1 trước và sau khi hoàn tất giao dịch như sau:

a) Báo cáo đăng ký giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu⁴⁰

Mẫu báo cáo

Theo [mẫu số 08A](#) kèm theo Quy trình này (đối với cổ phiếu), [mẫu số 08B](#) kèm theo Quy trình này (đối với quyền mua cổ phiếu)

Thời hạn báo cáo:

Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc.

Thời điểm bắt đầu giao dịch:

Sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có CBTT từ UBCKNN;

Thời hạn giao dịch:

Không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.

b) Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu⁴¹

Mẫu báo cáo:

Theo [mẫu số 9A](#) kèm theo Quy trình này (đối với cổ phiếu), [mẫu số 9B](#) kèm theo Quy trình này (đối với quyền mua cổ phiếu). Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, báo cáo kết quả giao dịch phải nêu rõ lý do.

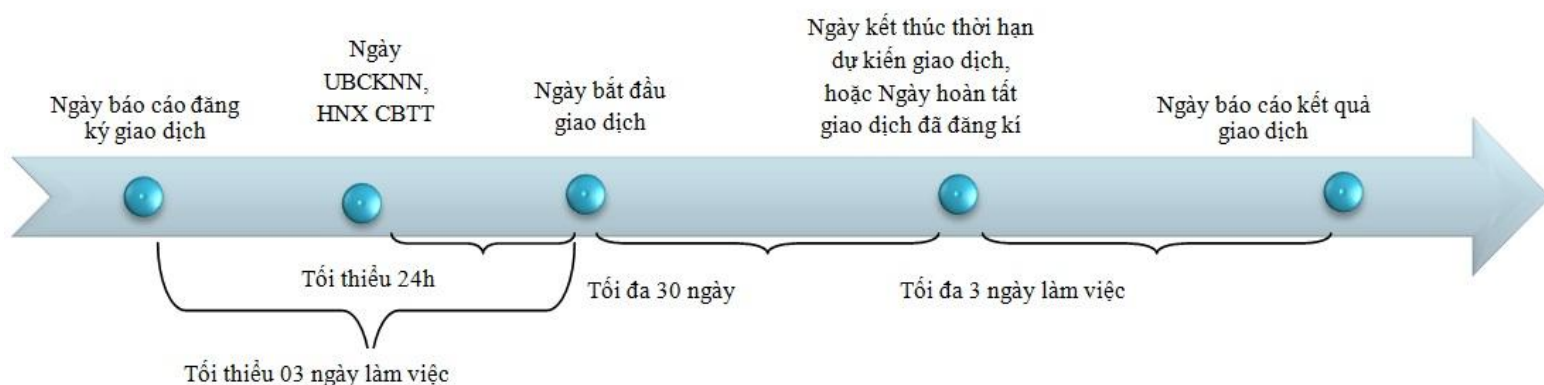
Thời hạn báo cáo:

Ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký hoặc trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch (trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng giao dịch).

Lưu đồ thời gian thực hiện CBTT về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan

⁴⁰ Điều 28.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁴¹ Điều 28.2 và 28.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC



Tổng quan quy trình thực hiện CBTT giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Đăng ký giao dịch			
Giao dịch của cổ đông nội bộ	Cổ đông nội bộ	3 ngày trước ngày giao dịch	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi các giao dịch để nhắc các đối tượng công bố thông tin
Giao dịch của người được ủy quyền CBTT (nếu có)	Người được ủy quyền CBTT		
Giao dịch của người có liên quan	Người có liên quan		
Báo cáo kết quả giao dịch			
Giao dịch của cổ đông nội bộ	Cổ đông nội bộ	3 ngày trước ngày giao dịch	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi các giao dịch để nhắc các đối tượng công bố thông tin
Giao dịch của người được ủy quyền CBTT (nếu có)	Người được ủy quyền CBTT		
Giao dịch của người có liên quan	Người có liên quan		

Lưu ý:

Cổ đông thuộc nhóm nói trên cần tránh vi phạm các lỗi sau:

- Không thông báo giao dịch;
- Thông báo giao dịch không đúng mẫu;
- Đăng kí mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu trong cùng một khoảng thời gian;
- Giao dịch trước khi có CBTT từ UBCKNN, SGDCK (trường hợp cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên HNX);
- Thực hiện giao dịch vượt quá số lượng và thời gian đăng kí;
- Đăng kí giao dịch tiếp khi chưa báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
- Chậm/không báo cáo kết quả giao dịch;
- Nội dung của kết quả báo cáo giao dịch không khớp với thực tế giao dịch;
- Giao dịch khi chưa đủ thời hạn báo cáo UBCKNN và TCT trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc.

2. Giao dịch của cổ đông lớn

Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty phải có nghĩa vụ báo cáo cho Tổng công ty, UBCKNN về sở hữu cổ phiếu như sau:

a) Báo cáo về sở hữu cổ phiếu⁴²

Mẫu báo cáo: Theo [mẫu số 10A](#) kèm theo Quy trình này.

Thời hạn báo cáo: Bảy (07) ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn.

b) Báo cáo về thay đổi sở hữu cổ phiếu⁴³

Mẫu báo cáo: Theo [mẫu số 10B](#) kèm theo Quy trình này.

Thời hạn báo cáo: Bảy (07) ngày kể từ ngày có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng ($\pm 1\%$) là 5%, 6%, 7%,... số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể cả trường hợp cho/được cho, tặng/được tặng, thừa kế, chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu).

Tổng quan quy trình thực hiện CBTT giao dịch của cổ đông lớn:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Báo cáo về sở hữu cổ phiếu			
Trở thành/không còn là cổ đông lớn	Cổ đông lớn	07 ngày kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi các giao dịch để nhắc các đối tượng công bố thông tin
Báo cáo về thay đổi sở hữu cổ phiếu			
Tỷ lệ sở hữu vượt ngưỡng ($\pm 1\%$) là 5% trở lên số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Cổ đông lớn	07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi các giao dịch để nhắc các đối tượng công bố thông tin

Lưu ý:

- Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với cổ đông nội bộ⁴⁴
- Trường hợp người có liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện CBTT như quy định với cổ đông nội bộ.
- Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng 1% được quy định như sau⁴⁵
 - ✓ Trường hợp giao dịch qua SGDCK, thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;

⁴² Điều 26.1 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁴³ Điều 26.2 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁴⁴ Điều 28.5 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁴⁵ Điều 26.3 Thông tư 52/2012/TT-BTC

- ✓ Trường hợp giao dịch không qua SGDCK, thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại VSD;
- ✓ Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, thời điểm được tính kể từ lúc Cienco1 hoàn thành đợt chào bán.

Cổ đông lớn khi thực hiện giao dịch cần lưu ý tránh vi phạm các lỗi sau:

- ✓ Không báo cáo về sở hữu cổ phiếu khi trở thành/không còn là cổ đông lớn
- ✓ Không báo cáo khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng 5%, 6%, 7%, ... số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết

3. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Các quy định giao dịch cổ phiếu quỹ được quy định tại Điều 30 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Điều 37, 38, 39 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; từ Điều 3 đến Điều 16 Thông tư số 130/2012/TT-BTC; Điều 10 thông tư số 74/2011/TT-BTC; Thông tư số 52/2012/TT-BTC; Quy chế Công bố Thông tin; Quy chế giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu đã niêm yết).

Liên quan đến nghĩa vụ CBTT về giao dịch cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện báo cáo UBCKNN về giao dịch cổ phiếu quỹ như sau:

a) Công bố thông tin đăng kí giao dịch⁴⁶

Mẫu CBTT: Theo [mẫu số 11A](#) kèm theo Quy trình này.

Thời hạn CBTT: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo giao dịch cổ phiếu quỹ.

Thời điểm bắt đầu giao dịch: ít nhất sau bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày CBTT.

Thời hạn giao dịch: Theo thời gian nêu trong bản CBTT nhưng tối đa không qua ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch kể cả trường hợp thay đổi giao dịch.

b) Thay đổi phương án giao dịch⁴⁷

- Tổng công ty không được thay đổi ý định hoặc phương án giao dịch cổ phiếu quỹ như đã báo cáo và CBTT. Tổng công ty chỉ được thay đổi việc giao dịch cổ phiếu quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.
- **(24h)** Khi ra quyết định thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ theo [mẫu số 11B](#) kèm theo Quy trình này trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận).

⁴⁶ Điều 6.3, 6.5, 13.3 và 13.5 Thông tư 130/2012/TT-BTC

⁴⁷ Điều 8 và 15 Thông tư 130/2012/TT-BTC

- (24h) Khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi việc giao dịch cổ phiếu quỹ, Cienco1 gửi thông báo cho UBCKNN về thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ theo [mẫu số 11C](#) kèm theo Quy trình này.

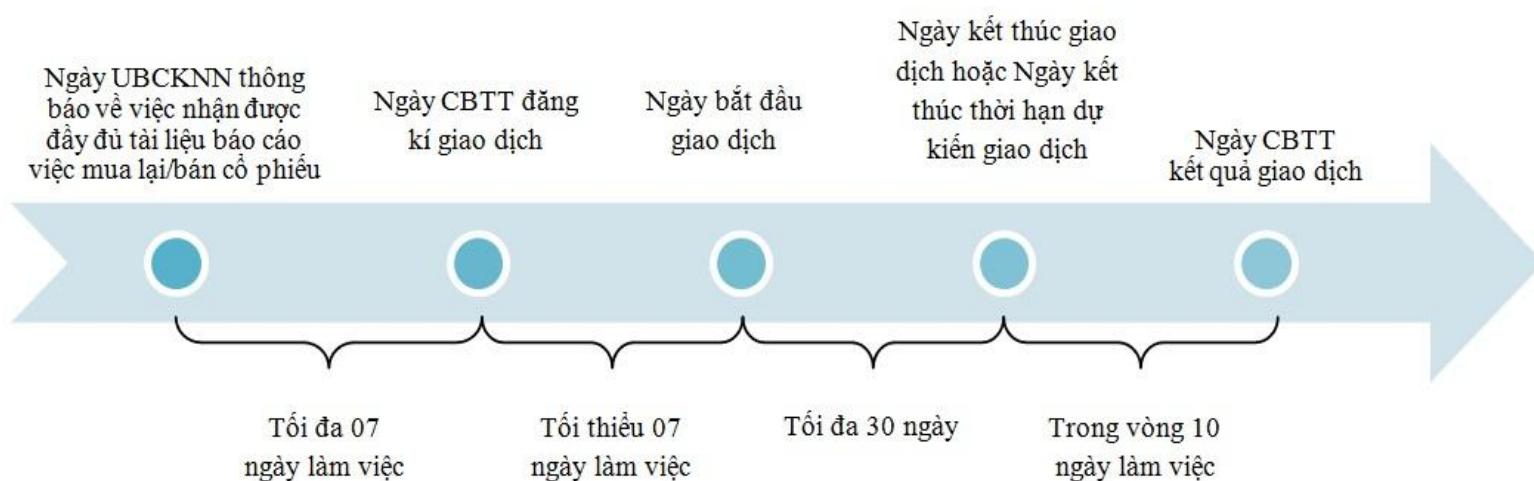
c) **Công bố thông tin kết quả giao dịch**⁴⁸

Mẫu CBTT: Theo [mẫu số 11D](#) kèm theo Quy trình này.

Trường hợp không thực hiện hết số lượng dự kiến giao dịch, báo cáo kết quả giao dịch phải nêu rõ lý do không hoàn thành.

Thời hạn CBTT: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

Lưu đồ thời gian thực hiện CBTT về giao dịch cổ phiếu quỹ



Tổng quan quy trình thực hiện CBTT giao dịch của cổ phiếu quỹ:

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ	Các phòng ban nghiệp vụ có liên quan	07 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo việc mua lại/ bán cổ phiếu	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi, báo cáo TGD để CBTT
Báo cáo về quyết định thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ đã được UBCKNN chấp thuận		24h kể từ khi có quyết định thay đổi	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi báo cáo TGD để CBTT
Thông báo về việc thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ của Cienco1		24h kể từ khi có chấp thuận thay đổi của UBCKNN	- Phòng Quan hệ cổ đông chủ động theo dõi báo cáo TGD để CBTT

⁴⁸ Điều 6.4, 6.5, 13.4 và 13.5 Thông tư 130/2012/TT-BTC

Báo cáo về kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ Cienco1	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	- Phòng Quan hệ cổ đông thực hiện CBTT
---	--	--

4. Giao dịch chào mua công khai

- Chào mua công khai là việc tổ chức, cá nhân công khai thực hiện việc mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng (Cienco1) nhằm mục đích nắm quyền kiểm soát trong công ty đại chúng theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo công bằng cho các cổ đông của công ty mục tiêu⁴⁹
- Các quy định về chào mua công khai được quy định tại Điều 32 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Điều 1.11 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán số 62/2000/QH12; từ Điều 40 đến Điều 52 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; Điều 19 Thông tư số 204/2012/TT – BTC ngày 19/11/2012.

Liên quan đến nghĩa vụ CBTT về giao dịch chào mua công khai, Cienco1 và các cá nhân chào mua phải thực hiện báo cáo UBCKNN và CBTT như sau:

a) Công bố thông tin về việc Tổng công ty nhận được đề nghị chào mua công khai

Đối tượng CBTT: Tổng công ty.

Thời hạn CBTT: Ba (03) ngày kể từ ngày Tổng công ty nhận được đăng ký chào mua⁵⁰

b) Công bố thông tin về việc Tổng công ty chào mua công khai⁵¹

Đối tượng CBTT: Cienco1 và các cá nhân chào mua.

Mẫu CBTT: Theo [mẫu số 12A](#) kèm theo Quy trình này.

Thời hạn CBTT: Bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN.

Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua và đã được tổ chức, cá nhân chào mua công bố trên phương tiện CBTT của SGDCK (trường hợp cổ phiếu chào mua đã niêm yết) đồng thời trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo trong ba (03) số liên tiếp/

c) Thời gian thực hiện một đợt chào mua công khai⁵²

Không được ngắn hơn 30 ngày và không dài quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày chào mua chính thức được xác định trong Giấy đăng ký chào mua công khai gửi UBCKNN.

d) Công bố thông tin kết quả chào mua công khai⁵³

Đối tượng CBTT: Tổng công ty, cá nhân chào mua.

Mẫu CBTT: Theo [mẫu số 12B](#) kèm theo Sổ tay này.

Thời hạn CBTT: Năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai.

⁴⁹ Điều 2.12 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

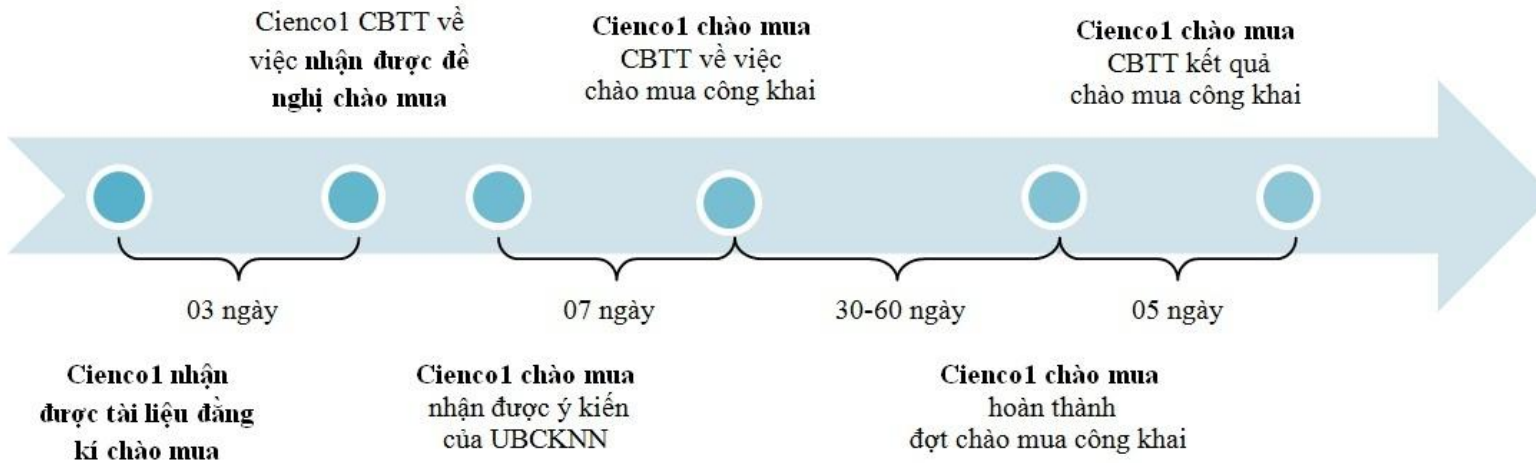
⁵⁰ Điều 43.1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

⁵¹ Điều 50.1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

⁵² Điều 50.3 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

⁵³ Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

Lưu đồ thời gian công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai



Tổng quan quy trình CBTT giao dịch chào mua công khai

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Cienco1 nhận được tài liệu đăng ký chào mua của tổ chức, cá nhân khác	Tổ chức, cá nhân chào mua cổ phiếu Cienco1	07 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi, báo cáo TGD để CBTT
Tổng công ty đăng ký chào mua cổ phiếu của tổ chức khác	Các phòng ban nghiệp vụ có liên quan	07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của UBCKNN	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi, báo cáo TGD để CBTT
Tổng công ty công bố kết quả chào mua công khai		05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Phòng Quan hệ cổ đông thực hiện CBTT

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

I. Công bố thông tin về chào bán chứng khoán

- Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định CBTT theo quy định của Pháp luật về chào bán chứng khoán
- Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng phải công bố Bản thông báo phát hành trên một (01) tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp theo [mẫu số 13A](#) và [13B](#) kèm theo Quy trình này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của UBCKNN có hiệu lực. Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên website của TCT.⁵⁴
- Tổng công ty thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ phải đồng thời công bố báo cáo kết quả chào bán, quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn trên trang website của Tổng công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán⁵⁵
- Trường hợp Tổng công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, TCT phải báo cáo và CBTT (định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán⁵⁶
- Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, TCT phải CBTT về lý do và Quyết định/Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi⁵⁷

Tổng quan quy trình CBTT về chào bán chứng khoán

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
TCT chào bán chứng khoán ra công chúng	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.
Báo cáo tiến độ sử dụng vốn (trường hợp chào bán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư)		Định kỳ 06 tháng cho đến khi giải ngân hết	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi tổng hợp báo cáo TGD để CBTT
Thay đổi mục đích sử dụng vốn		10 ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.
Báo cáo kết quả chào bán (ra công chúng và riêng lẻ)		10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi tổng hợp báo cáo TGD để CBTT

II. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Quy định về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần quy định tại Điều 17 đến điều 20 Thông tư 130/2012/TT-BTC

⁵⁴ Điều 24 Thông tư 204/2012/TT-BTC

⁵⁵ Điều 7.4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

⁵⁶ Điều 7.5 và 17 Thông tư 52/2012/TT-BTC

⁵⁷ Điều 7.5 Thông tư 52/2012/TT-BTC

- Tổng công ty thực hiện CBTT về việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành. Thời điểm dự kiến phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành.⁵⁸
- Tổng công ty báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và CBTT ra công chúng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức⁵⁹

Tổng quan quy trình CBTT về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Thông báo về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	(07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức		(07) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.

2. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Quy định về phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu quy định tại Điều 21 đến điều 24 Thông tư 130/2012/TT-BTC
- Tổng công ty thực hiện CBTT về việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành. Thời điểm dự kiến phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành.⁶⁰
- Tổng công ty báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và CBTT ra công chúng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu⁶¹

Tổng quan quy trình CBTT về phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Thông báo về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	(07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		(07) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.

⁵⁸ Điều 19.3 Thông tư 130/2012/TT-BTC

⁵⁹ Điều 19.4 Thông tư 130/2012/TT-BTC

⁶⁰ Điều 23.3 Thông tư 130/2012/TT-BTC

⁶¹ Điều 23.4 Thông tư 130/2012/TT-BTC

3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Quy định về phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động quy định tại Điều 25 đến điều 27 Thông tư 130/2012/TT-BTC
- Tổng công ty thực hiện CBTT về việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành. Thời điểm dự kiến phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành.⁶²
- Tổng công ty báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và CBTT ra công chúng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu⁶³

Tổng quan quy trình CBTT về phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong TCT

Thông tin công bố	Đối tượng cung cấp thông tin	Thời gian CBTT (muộn nhất)	Đối tượng sử dụng thông tin
Thông báo về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Các phòng nghiệp vụ có liên quan	(07) ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận đủ tài liệu và trước ít nhất bảy (07) ngày trước thời điểm dự kiến phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động		(07) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành	- Phòng Quan hệ cổ đông theo dõi và báo cáo TGD để CBTT.

⁶² Điều 27.3 Thông tư 130/2012/TT-BTC

CHƯƠNG IV: TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

I. Trách nhiệm cung cấp thông tin và công bố thông tin

1. Trách nhiệm của các đối tượng cung cấp thông tin

- **Đối tượng cung cấp thông tin** của Tổng công ty gồm: Các phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty; các đơn vị trực thuộc; các công ty con; Người đại diện phụ trách chung phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết; các đối tượng khác.
- **Các đối tượng cung cấp thông tin** chịu trách nhiệm chỉ đạo – kiểm tra – đôn đốc các bộ phận nghiệp vụ của mình đảm bảo cung cấp thông tin (trong phạm vi – lĩnh vực công việc của đơn vị) kịp thời, chính xác, tuân thủ Luật chứng khoán và Quy trình này.

2. Trách nhiệm của Tổ cung cấp thông tin

- **Tổ cung cấp thông tin** của Tổng công ty do HĐQT Tổng công ty quyết định thành lập. Các thành viên gồm: Trưởng hoặc phó các phòng ban nghiệp vụ của TCT; Giám đốc và Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc; Giám đốc và Kế toán trưởng các công ty con; Người đại diện phụ trách chung phần vốn của TCT ở các công ty liên kết.
- **Các thành viên tổ cung cấp thông tin** chịu trách nhiệm trực tiếp cung cấp các thông tin cần công bố (thông tin trong phạm vi – lĩnh vực công việc của đơn vị) đảm bảo kịp thời, chính xác, tuân thủ Luật Chứng khoán và Quy trình này.

3. Trách nhiệm CBTT của các đối tượng khác

- **Các đối tượng khác** gồm các cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan.
- **Các đối tượng khác** nói trên có trách nhiệm trực tiếp báo cáo với TCT, UBCKNN về đăng ký giao dịch (nếu có) và kết quả giao dịch cổ phiếu để thực hiện CBTT như quy định của Luật Chứng khoán và các Nghị định, thông tư hướng dẫn.

4. Trách nhiệm của Phòng Quan hệ cổ đông về công bố thông tin

Phòng Quan hệ cổ đông là đầu mối thực hiện việc báo cáo, tham mưu cho Tổng giám đốc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của TCT đối với UBCKNN, SGDCK và các cơ quan liên quan.

- Tiếp nhận, tổng hợp các thông tin cần CBTT từ các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị, các đối tượng liên quan khác báo cáo Tổng giám đốc (hoặc Người được ủy quyền CBTT) để thực hiện CBTT theo quy định của Luật Chứng khoán.
- Trực tiếp làm việc với các thành viên tổ cung cấp thông tin để hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc việc cung cấp thông tin cho Tổng công ty đảm bảo kịp thời, chính xác.
- Thực hiện tác nghiệp CBTT trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN qua hệ thống IDS theo quy định của UBCKNN.
- Chịu trách nhiệm cung cấp các nội dung cần đăng tải trên chuyên mục “ Quan hệ cổ đông” trên Website của TCT theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ của TCT.

II. Chế tài xử lý vi phạm CBTT của Tổng công ty.

1. Trường hợp các phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty vi phạm quy định về CBTT

Việc xử lý vi phạm sẽ thực hiện theo một hoặc nhiều hơn trong các hình thức dưới đây – Tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả liên đới:

- Cắt giảm mức thưởng tại các kỳ xét thưởng của TCT.
- Không xét hoặc hạ mức thi đua - khen thưởng - bình xét hàng năm đối với tập thể và các cá nhân liên quan.
- Phạt tiền: Số tiền phạt tùy thuộc mức phạt của UBCKNN đối với TCT và mức độ - hậu quả vi phạm.

2. Trường hợp các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết vi phạm quy định về CBTT:

Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo một hoặc nhiều hơn trong các hình thức dưới đây – Tùy thuộc mức độ vi phạm và hậu quả liên đới:

- Xem xét dừng hoặc cắt giảm việc ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thầu phụ với các đơn vị vi phạm.
- Không xét hoặc hạ mức thi đua- khen thưởng- bình xét cuối năm đối với tập thể đơn vị và cá nhân liên quan.
- Không duyệt hoặc cắt giảm mức thưởng lợi nhuận/thưởng quỹ lương hàng năm (đối với đơn vị trực thuộc và công ty con vi phạm).
- Phạt tiền: Số tiền phạt tùy thuộc mức phạt của UBCKNN đối với Tổng công ty và mức độ - hậu quả vi phạm.

3. Các cá nhân là lãnh đạo, cán bộ chủ chốt ở các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị. (Đối tượng chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và thành viên tổ cung cấp thông tin)

Việc xử lý vi phạm sẽ thực hiện theo một hoặc nhiều hơn trong các hình thức dưới đây – Tùy thuộc mức độ và hậu quả liên đới:

- Không được xét hoặc xét hạ mức thi đua – khen thưởng – bình xét hàng năm ở Tổng công ty và đơn vị.
- Không được xét hoặc cắt giảm mức tiền thưởng hàng năm, thưởng định kỳ ở Tổng công ty và đơn vị.
- Chịu một trong các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương (hoặc mức lương thu nhập), giáng chức, cách chức, buộc thôi việc.
- Chịu phạt tiền, số tiền phạt tùy thuộc mức phạt của UBCKNN đối với Tổng công ty và mức độ - hậu quả vi phạm.

4. Các đối tượng khác: các cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan vi phạm quy định về CBTT

Xử lý vi phạm như sau:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và các hình thức xử lý vi phạm của UBCKNN.
- Chịu trách nhiệm xử lý khắc phục các hậu quả liên đới theo yêu cầu của UBCKNN và các khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Đối với cổ đông nội bộ và người có liên quan có vi phạm quy định về CBTT ngoài việc chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBCKNN, đồng thời phải chịu chế tài xử lý vi phạm CBTT của Tổng công ty.

5. HĐQT Tổng công ty sẽ ban hành quy định chi tiết chế tài xử phạt vi phạm CBTT phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Luật Chứng khoán và nội dung ở quy trình này.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Quy trình này do HĐQT Tổng công ty ban hành và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định. Các ông (bà) UVHĐQT, Ban Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý, Trưởng các phòng ban nghiệp vụ, Giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, Giám đốc và Kế toán trưởng các Công ty con, Người đại diện phụ trách chung ở các doanh nghiệp, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, Người được ủy quyền CBTT và thành viên tổ cung cấp thông tin chịu trách nhiệm thực hiện việc cung cấp thông tin và CBTT theo quy trình này.
2. Những nội dung liên quan chưa được quy định trong quy trình này thì được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế nội bộ của Tổng công ty.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về nội dung quy trình, thay đổi, bổ sung chính sách pháp luật của Nhà nước sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Dũng

PHỤ LỤC I: XỬ LÝ VI PHẠM CÔNG BỐ THÔNG TIN⁶⁴

A. Thẩm quyền xử lý vi phạm

- Chủ tịch UBCKNN, Chánh thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của UBCKNN có quyền quyết định hình thức xử phạt vi phạm hành chính

B. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính

I. Hành vi vi phạm quy định công bố thông tin

1. Cảnh cáo

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không thực hiện đăng kí người được ủy quyền CBTT; không thông báo, thông báo không đúng thời hạn về việc thay đổi người được ủy quyền CBTT theo quy định pháp luật;
- b. Không thông báo với UBCKNN về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức CBTT;
- b. Không lưu giữ thông tin công bố theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng

Đối với hành vi CBTT không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

Đối với một trong những hành vi vi phạm sau:

- a. Không lập trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật;
- b. Không CBTT theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN;
- c. Không xác nhận hoặc đính chính thông tin hoặc xác nhận, đính chính thông tin không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật khi có thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc khi nhận được yêu cầu xác nhận, đính chính thông tin của UBCKNN;
- d. CBTT có nội dung không chính xác.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm c và d Mục B. I. 4 Chương này.

II. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Đối với hành vi không lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng

Đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không báo cáo theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

⁶⁴ Trích Nghị định 108/2013/NĐ-CP

b. Báo cáo có nội dung không chính xác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm B Mục B. II. 3 của Chương này.

III. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ, cổ đông lớn, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng

Đối với thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người phụ trách tài chính, người phụ trách kế toán và người quản lý khác trong bộ máy quản lý TCT thực hiện mua hoặc bán và mua chứng khoán của Cienco1 không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng

Đối với cổ đông lớn có hành vi không báo cáo, báo cáo không đúng thời hạn quy định cho Tổng công ty, UBCKNN khi có sự thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo quy định trước khi thực hiện giao dịch; không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch hoặc về lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký.
- b. Không thực hiện giao dịch đúng thời hạn giao dịch đã đăng ký hoặc thực hiện giao dịch chứng khoán không đúng nội dung đăng ký hoặc không đúng quy định của Pháp luật

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn theo quy định về sở hữu cho TCT, UBCKNN;
- b. Báo cáo về sở hữu không đầy đủ hoặc không chính xác các nội dung theo quy định của Pháp luật;
- c. Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn cho TCT, UBCKNN khi có sự thay đổi đầu tiên về số lượng cổ phiếu sở hữu làm cho không còn là cổ đông lớn;
- d. Thực hiện chuyển nhượng cổ phần, phần vốn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được cho TCT do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Mục B.III chương này.

IV. Hành vi vi phạm quy định về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Đối với hành vi không tuân thủ quy định về nguồn mua lại cổ phiếu, khoảng cách giữa lần mua lại cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ gần nhất

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

- a. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ nhưng không báo cáo UBCKNN theo quy định pháp luật hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo của UBCKNN việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ;

- b. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;
- c. Mua lại cổ phiếu trong trường hợp pháp luật quy định không được mua lại;
- d. Thay đổi ý định, phương án mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trái quy định pháp luật
- e. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ không đúng với phương án đã báo UBCKNN hoặc nội dung đã CBTT ra công chúng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

- 4. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại mục IV.2 Phụ lục này.

V. Hành vi vi phạm quy định về chào mua công khai

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Trực tiếp hoặc gián tiếp mua hoặc cam kết mua cổ phiếu, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của công ty mục tiêu;
- b. Bán hoặc cam kết bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà mình đang chào mua công khai;
- c. Đối xử không công bằng với những người sở hữu cùng loại cổ phần, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi đang được chào mua công khai
- d. Cung cấp thông tin riêng cho một số cổ đông hoặc nhà đầu tư hoặc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư ở mức độ không giống nhau hoặc không cngf thời điểm;
- e. Tiến hành cahf0 mua công khai không đúng thời gian quy định hoặc thời gian đã đăng ký với UBCKNN;
- f. Từ chối mua cổ phiếu của cổ đông công ty mục tiêu trong quá trình chào mua công khai
- g. Mua cổ phiếu của công ty mục tiêu trong quá trình chào mua công khai
- h. Không thực hiện hoặc thực hiện việc mua tiếp số cổ phiếu còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai không đúng quy định về thời gian hoặc thực hiện với điều kiện về giá và phương thức thanh toán không tương tự như đối với đợt chào mua công khai
- i. Không thực hiện báo cáo, CBTT về việc chào mua công khai hoặc thực hiện báo cáo, CBTT về việc chào mua công khai không đúng quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng

Đối với công ty chứng khoán làm đại lý chào mua công khai thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện chào mua công khai theo đúng quy định để cá nhân, tổ chức chào mua vi phạm quy định theo Khoản 1 Điều này
- b. Không đảm bảo cá nhân, tổ chức chào mua công khai có đủ tiền để thực hiện chào mua vào thời điểm chính thức chào mua theo đăng ký

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng

Đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a. Không đăng ký chào mua công khai theo quy định pháp luật
- b. Thực hiện chào mua công khai khi UBCKNN chưa có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua;
- c. Rút lại đề nghị chào mua công khai khi chưa được UBCKNN chấp thuận

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng

Đối vi hành vi lợi dụng việc biết thông tin về chào mua công khai để mua bán chứng khoán cho chính mình hoặc cung cấp thông tin, xúi giục, lôi kéo người khác mua, bán chứng khoán trước thời điểm chào mua công khai chính thức.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ đợt chào mua công khai trong thời hạn 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a,b,c và d Mục B.V.1 Chương này

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

- a. Buộc chào mua công khai theo phương án đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm e,g Mục B.V.1 Chương này và điểm c mục B.V.3 chương này;
- b. Buộc mua tiếp số cổ phiếu còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Mục B.V.1 Chương này;
- c. Buộc từ bỏ quyền quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a,b Mục B.V.3 Chương này và phải chuyển nhượng số cổ phần đó để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một TCT trong thời hạn tối đa 06 tháng;
- d. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a,b Mục B.V.3 và B.V.4 Chương này.

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

STT	MẪU SỐ	NỘI DUNG
1	Mẫu số 1A	Đăng ký thông tin liên hệ
2	Mẫu số 1B	Thay đổi thông tin liên hệ
3	Mẫu số 2A	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
4	Mẫu số 2B	Thông báo ủy quyền thực hiện công bố thông tin
5	Mẫu số 03	Công bố thông tin bất thường
6	Mẫu số 04	Báo cáo tình hình quản trị công ty
7	Mẫu số 05	Báo cáo thường niên
8	Mẫu số 06	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
9	Mẫu số 07	Thay đổi nhân sự
10	Mẫu số 08A	Thông báo giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, người có liên quan
11	Mẫu số 08B	Thông báo giao dịch quyền cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, người có liên quan
12	Mẫu số 09A	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, người có liên quan
13	Mẫu số 09B	Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, người có liên quan
14	Mẫu số 10A	Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn
15	Mẫu số 10B	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn
16	Mẫu số 11A	Thông báo giao dịch cổ phiếu quỹ
17	Mẫu số 11B	Thông báo quyết định của công ty về thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ
18	Mẫu số 11C	Thông báo thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ
19	Mẫu số 11D	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ
20	Mẫu số 12A	Đăng ký chào mua công khai
21	Mẫu số 12B	Báo cáo kết quả chào mua công khai
22	Mẫu số 13A	Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng
23	Mẫu số 13B	Thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng

PHỤ LỤC III: TÓM TẮT QUY ĐỊNH VỀ CBTT ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Mẫu
1	Báo cáo tài chính		
	Báo cáo tài chính năm		
	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (Bao gồm BCTC năm của Công ty mẹ/ đơn vị kế toán cấp trên và BCTC năm hợp nhất/tổng hợp)	- 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính - 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán	- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC - Thông tư 244/2009/TT-BTC
	Báo cáo tài chính bán niên soát xét		
	BCTC bán niên soát xét của Công ty mẹ và BCTC bán niên soát xét hợp nhất/ tổng hợp	- 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính - 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét	- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC - Thông tư 244/2009/TT-BTC
	Báo cáo tài chính quý		
	BCTC quý của Công ty mẹ và BCTC quý hợp nhất/ tổng hợp	-45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC - Thông tư 244/2009/TT-BTC
2	Các sự kiện liên quan đến BCTC		
	Khi các báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với BCTC	24h	Mẫu số 03
	Giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/ lưu ý của tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm đã được kiểm toán và BCTC bán niên được soát xét (nếu có)		Mẫu số 03

	Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do Công ty phải CBTT theo quy định của Pháp luật khác với số liệu tài chính tại BCTC được kiểm toán	24h	Mẫu số 03
	Khi có kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	24h	Mẫu số 03
	Khi ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm, khi thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc khi công ty kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC	24h	Mẫu số 03
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
	Báo cáo tình hình QTCT 06 tháng	30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Mẫu số 04
	Báo cáo tình hình QTCT năm	30 ngày kể từ ngày kết thúc năm	Mẫu số 04
4	Báo cáo thường niên	20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán	Mẫu số 05
5	CBTT về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán		
	CBTT về việc chào bán chứng khoán		
	CBTT về việc tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được	
6	Các sự kiện liên quan đến tình trạng hoạt động của Công ty		
	Khi tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi giấy CNĐKDN	24h	Mẫu số 03
	Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	24h	Mẫu số 03
	Khi có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế	24h	Mẫu số 03
	Khi tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	24h	Mẫu số 03

	Khi Tổng công ty bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	24h	Mẫu số 03
	Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	24h	Mẫu số 03
	Khi có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán	24h	Mẫu số 03
	Khi nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	24h	Mẫu số 03
	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại TTLCKK	24h	Mẫu số 03
	Khi giá CK niêm yết của Cty tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên	24h	Mẫu số 03
	Khi có được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài	72h	Mẫu số 03
7	Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT		
	Khi ban hành Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (kèm theo Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 96 của Luật Doanh nghiệp	24h	Mẫu số 03
	Khi ban hành Quyết định của HĐQT về việc mua lại cổ phiếu của TCT hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật DN; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của TCT	24h	Mẫu số 03

<p>Khi ban hành Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (kèm theo Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu</p>	<p>24h</p>	<p>Mẫu số 03</p>
<p>Khi quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p>	<p>24h</p>	<p>Mẫu số 03</p>
<p>Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của Tổng công ty vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;</p>	<p>24h</p>	<p>Mẫu số 03</p>
<p>Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của Tổng công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;</p>	<p>24h</p>	<p>Mẫu số 03</p>
<p>Khi ban hành quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;</p>	<p>24h</p>	<p>Mẫu số 03</p>

	Khi có quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, đầu tư hoặc không còn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	72h	Mẫu số 03
8	Các sự kiện liên quan đến nhân sự chủ chốt		
	Khi ban hành quyết định thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, hoặc Tổng Giám đốc/Phó tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán);	24h	Mẫu số 07
	Khi có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty;	24h	Mẫu số 03
9	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
10	CBTT theo yêu cầu		
	Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của NĐT	24h	
	Có thông tin liên quan đến TCT ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	24h	

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

Số..../....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...,ngày...tháng...năm....

ĐĂNG KÝ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin đăng ký

- Tên tổ chức
- Tên tiếng Anh
- Tên viết tắt
- Mã chứng khoán
- Địa chỉ liên lạc
- Điện thoại
- Email:
- Website:

Fax:

2. Ngày bắt đầu có hiệu lực

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/ Người CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục số I

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ Tên công ty quản lý quỹ:-----

Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)-----

Địa chỉ liên lạc:-----

Điện thoại :-----Fax:-----Email:-----

Website:-----

(Tên nhân viên)

Sau đây chứng nhận: Ông (Bà)-----

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): -----

Địa chỉ thường trú:-----

Chức vụ tại tổ chức, công ty/công ty quản lý quỹ:-----

(Tên tổ chức, công ty/ Tên công ty quản lý quỹ)

Là người được :----- ủy quyền làm “ Người công bố thông

(Tên tổ chức, công ty/ Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng)
tin” của -----.

Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngàyvà cho đến khi có thông báo huỷ bỏ bằng văn bản của -- ---(Tên tổ chức, công ty/ Tên công ty quản lý quỹ) ----- .

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch người được ủy quyền công bố thông tin
- Danh sách người có liên quan với người được ủy quyền công bố thông tin.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

**A. Trường hợp đối tượng công bố thông tin là tổ chức niêm yết/đăng ký
giao dịch/công ty chứng khoán thành viên:**

I. Tổ chức công bố thông tin:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Website:

II. Nội dung công bố thông tin:

*Căn cứ Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số ngày của
chúng tôi trân trọng thông báo về việc thay đổi người được ủy quyền công bố
thông tin của Công ty như sau:*

1. Người công bố thông tin mới: Ông/Bà Chức vụ tại tổ chức:
2. Người công bố thông tin trước đây: Ông/Bà Chức vụ tại tổ chức:
3. Ngày hiệu lực: _/_/_
4. Lý do thay đổi (nếu có):

**B. Trường hợp đối tượng công bố thông tin là cổ đông lớn, cổ đông sáng lập,
cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan:**

I. Tổ chức/cá nhân công bố thông tin:

- Tên cá nhân/tổ chức thực hiện ủy quyền:
- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty chứng khoán
thành viên (nếu có):

- Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty chứng khoán thành viên có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện ủy quyền là người có liên quan):
- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty chứng khoán thành viên:
- Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện ủy quyền với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:
- Mã chứng khoán nắm giữ:

II. Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền thực hiện công bố thông tin số ngày của tôi/chúng tôi trân trọng thông báo về việc thay đổi tổ chức được ủy quyền công bố thông tin của tôi/chúng tôi như sau:

1. Tổ chức công bố thông tin mới:
 - Tên tổ chức:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
2. Tổ chức công bố thông tin trước đây:
 - Tên tổ chức:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
3. Ngày hiệu lực:.....
4. Lý do thay đổi (nếu có):.....

Cá nhân, tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu - nếu là tổ chức)

*** Tài liệu đính kèm**

Giấy ủy quyền/HĐ ủy quyền
CBTT.

TÊN TỔ CHỨC

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm....

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax:

- Người thực hiện công bố thông tin:

2. Nội dung thông tin công bố:

.....
.....
(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày _/_/_ tại đường dẫn_, và/hoặc trên ấn phẩm_ của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*** Tài liệu đính kèm:**

Tài liệu liên quan đến nội dung

TTCB.

Phụ lục số III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng/năm)

Kính gửi:

– Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

– Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng:

- Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax: Email:

- Vốn điều lệ:

- Mã chứng khoán (nếu có):

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
	Ông/bà...				

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm):

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

2. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo 6 tháng/năm)

Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng:

Năm báo cáo..

I.Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

6. *Các rủi ro*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

– Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			

Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>			
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>			
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>			
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
– Vốn điều lệ			
– Tổng tài sản có			
– Tỷ lệ an toàn vốn			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
– Doanh số huy động tiền gửi			
– Doanh số cho vay			
– Doanh số thu nợ			
– Nợ quá hạn			
– Nợ khó đòi			
– Hệ số sử dụng vốn			
– Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
– Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
– Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
– Khả năng thanh toán ngay			
– Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

– Những tiên bộ công ty đã đạt được .

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

– Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng

quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số..../....

...,ngày...tháng...năm....

**THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số _ngày cấp_ nơi cấp_, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax:
- Email:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi:
2. Thông tin sau khi thay đổi:
3. Lý do thay đổi (nếu có):
4. Ngày có hiệu lực:

*** Tài liệu đính kèm:**
Tài liệu liên quan đến việc
thay đổi thông tin.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC

Số.../....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...,ngày...tháng...năm....

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số_ngày và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số_ ngày_, của Công ty_, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty như sau:

1. Trường hợp bổ nhiệm (*):

- Ông (bà):
- Chức vụ hiện tại:
- Được bổ nhiệm giữ chức vụ:_ của Công ty
- Thời hạn bổ nhiệm:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

2. Trường hợp miễn nhiệm:

- Ông (bà):
- Không còn đảm nhận chức vụ:
- Lý do miễn nhiệm (nếu có):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo Pháp luật/Người công bố thông tin
(ký ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*) Tài liệu đính kèm

- Quyết định HĐQT và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ v/v thay đổi nhân sự;
- SYLL của người mới được bổ nhiệm
- Danh sách người có liên quan

Mẫu số 08A

Phụ lục số VIII

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ,
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ,
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN -nếu là tổ chức):
- Quốc tịch:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
- Quốc tịch:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng:

- Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:

4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/tặng:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

8. Mục đích thực hiện giao dịch:

9. Phương thức giao dịch:

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu là tổ chức)

Hướng dẫn điền thông tin

#	Nội dung	Lưu ý
Thông tin mục 1	Số CMND/số hộ chiếu/Số GPĐKDN	Ghi thông tin chính xác để có thể xác định được danh tính trong trường hợp bị trùng tên
	Chức vụ hiện nay tại TCT	Ghi rõ chức vụ tại TCT (nếu có)
	Điện thoại/ Fax/Email	Ghi số điện thoại cá nhân (số di động) để UBCKNN liên hệ trong trường hợp cần thiết
Thông tin mục 4	Số tài khoản giao dịch	Cung cấp tất cả các tài khoản giao dịch hiện có Số tài khoản giao dịch chứng khoán phải được ghi đầy đủ các ký tự (ví dụ 069C 123456)
Thông tin mục 6	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho tặng	Đề nghị ghi rõ loại mua/bán/cho tặng Không được đăng ký mua/bán cổ phiếu/ quyền mua trong cùng 1 khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã hoàn tất báo cáo kết quả đợt giao dịch liền trước
Thông tin mục 7	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch	Là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch trên số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT
Thông tin mục 8	Mục đích thực hiện giao dịch	Ghi rõ lý do, mục đích thực hiện giao dịch
Thông tin mục 9	Phương thức giao dịch	Ghi rõ phương thức giao dịch sử dụng: Khớp lệnh/ thỏa thuận/ Giao dịch không thông qua hệ thống giao dịch của HNX
Thông tin mục 10	Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch	Ngày dự kiến bắt đầu giao dịch sẽ là 03 ngày làm việc sau ngày UBCKNN nhận được thông báo. Thời gian giao dịch không vượt quá 30 ngày

Mẫu số 08B

Phụ lục số IX

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN,
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ,
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:
 - Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ: - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):
2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):
 - Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN – nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ: - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:
 - Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:
3. Mã chứng khoán giao dịch:
4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
6. Số lượng quyền mua hiện có sau khi chốt quyền:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua:
8. Số lượng quyền mua đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua tương ứng với số quyền mua sau khi mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng(*):
10. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:
11. Phương thức giao dịch:
12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

(*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200):

Cá nhân/tổ chức báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu là tổ chức)

Hướng dẫn điền thông tin

#	Nội dung	Lưu ý
Thông tin mục 1	Số CMND/số hộ chiếu/Số GPĐKDN	Ghi thông tin chính xác để có thể xác định được danh tính trong trường hợp bị trùng tên
	Chức vụ hiện nay tại TCT	Ghi rõ chức vụ tại TCT (nếu có)
	Điện thoại/ Fax/Email	Ghi số điện thoại cá nhân (số di động) để UBCKNN liên hệ trong trường hợp cần thiết
Thông tin mục 4	Số tài khoản giao dịch	Cung cấp tất cả các tài khoản giao dịch hiện có Số tài khoản giao dịch chứng khoán phải được ghi đầy đủ các ký tự (ví dụ 069C 123456)
Thông tin mục 5	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch	Là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu đang nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch trên số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT
Thông tin mục 6	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch	Là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch trên số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT
Thông tin mục 8	Mục đích thực hiện giao dịch	Ghi rõ lý do, mục đích thực hiện giao dịch
Thông tin mục 9	Phương thức giao dịch	Ghi rõ phương thức giao dịch sử dụng: Khớp lệnh/ thỏa thuận/ Giao dịch không thông qua hệ thống giao dịch của HNX
Thông tin mục 10	Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch	Ngày dự kiến bắt đầu giao dịch sẽ là 03 ngày làm việc sau ngày UBCKNN nhận được thông báo. Thời gian giao dịch không vượt quá 30 ngày

Mẫu số 9A

Phụ lục số X
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN,
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:

- Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:

4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được

tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

9. Phương thức giao dịch:

10. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, Cổ
đông nội bộ/người được ủy quyền công bố thông tin/người có
liên quan phải giải trình nguyên nhân.)

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu
là tổ chức)

Mẫu số 9B

Phụ lục số XI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN,
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____, ngày ... tháng... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI
BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

- Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:
 - Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):
- Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):
 - Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:
 - Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:
- Mã chứng khoán giao dịch:
- Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua:
- Số lượng quyền mua đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- Số lượng quyền mua đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:

11. Phương thức giao dịch:

12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký,
Cổ đông nội bộ/người được ủy quyền công bố thông tin/người
có liên quan phải giải trình nguyên nhân).

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu
là tổ chức)

8. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ:
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu là tổ chức)

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

10. Lý do thay đổi sở hữu:

11. Ngày thay đổi sở hữu:

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu là tổ chức)

Mẫu số 11A

PHỤ LỤC SỐ 02

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 130/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm.....

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Tên tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax:
5. Mã chứng khoán (nếu có):
6. Mệnh giá:
7. Vốn điều lệ:
8. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:
9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Kế hoạch đầu tư..... cấp.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Mã số:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Tổng mức vốn kinh doanh:

II. Phương án giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
2. Các đợt mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ gần nhất: số lượng, thời gian mua/bán....(Trong trường hợp bán cổ phiếu quỹ, công ty phải công bố thời điểm đã mua lại số lượng cổ phiếu quỹ đó);
3. Tổng số lượng cổ phiếu tối đa và tối thiểu dự kiến mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:
4. Mục đích mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:
5. Nguồn vốn (trong trường hợp mua lại cổ phiếu hoặc trường hợp dùng cổ phiếu quỹ thưởng cho cổ đông hiện hữu, người lao động):
6. Thời gian dự kiến giao dịch: từ ngày....đến ngày....
7. Phương thức giao dịch:
8. Nguyên tắc xác định giá:

9. Số lượng đặt mua/bán hàng ngày:

10. Giá (khoảng giá):

11. Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

+ Tài khoản thực hiện giao dịch:

..., ngày ... tháng ... năm ..
(*tổ chức phát hành*)
(*người đại diện theo pháp luật*)
(*ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 11B

PHỤ LỤC SỐ 03

THÔNG BÁO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY VỀ VIỆC THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 130/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu
của công ty đại chúng)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY VỀ VIỆC THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Tên tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax:
5. Mã chứng khoán (nếu có):
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Kế hoạch đầu tư..... cấp.

II. Phương án giao dịch cổ phiếu quỹ đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận

1. Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
2. Tổng số lượng cổ phiếu tối đa và tối thiểu dự kiến mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:
3. Mục đích mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:
4. Thời gian dự kiến giao dịch: từ ngày....đến ngày...
5. Phương thức giao dịch:
6. Nguyên tắc xác định giá:
7. Số lượng đặt mua/bán hàng ngày:
8. Giá nêu trong bản công bố thông tin:
9. Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:
 - + Địa chỉ:
 - + Điện thoại:
 - + Tài khoản thực hiện giao dịch:

III. Thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Quyết định thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ: Quyết định của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông...

2. Phương án thay đổi:....(chỉ nêu những điểm thay đổi)

3. Lý do thay đổi:...

Công ty chỉ thực hiện thay đổi phương án giao dịch cổ phiếu quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

..., ngày ... tháng ... năm ..
(tổ chức phát hành)
(người đại diện theo pháp luật)
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 11C

PHỤ LỤC SỐ 04

THÔNG BÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 130/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Tên tổ chức đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax:
5. Mã chứng khoán (nếu có):
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Kế hoạch đầu tư..... cấp.

II. Phương án giao dịch cổ phiếu quỹ thay đổi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại công văn số .../... ngày .../.../20...

1. Nội dung thay đổi:....
2. Thời điểm áp dụng phương án thay đổi:...
3. Những nội dung khác trong phương án giao dịch cổ phiếu quỹ không thay đổi và thực hiện theo Bản công bố thông tin giao dịch cổ phiếu quỹ số .../... ngày... đã được công bố thông tin.

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành.

..., ngày ... tháng ... năm ..
(Tổ chức phát hành)
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 11D

PHỤ LỤC SỐ 05

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 130/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty đại chúng:

- Tên giao dịch:
- Tên viết tắt:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Vốn điều lệ:

Fax:

Chúng tôi xin báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ (tại Sở giao dịch chứng khoán...) với nội dung sau:

1. Tên Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

2. Tài khoản thực hiện giao dịch:

3. Mã chứng khoán (nếu có):

4. Mệnh giá:

5. Số lượng đăng ký mua/bán lại:

6. Số lượng đã thực hiện:

7. Thời gian thực hiện: từ ngày đến ngày.....

8. Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch:

9. Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có:

10. Nguồn vốn để mua lại:

11. Giá giao dịch bình quân:

12. Phương thức giao dịch:

(Trong trường hợp công ty không thực hiện hết số lượng đăng ký, công ty phải giải trình nguyên nhân)

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành.

..., ngày ... tháng ... năm ..
(*Tổ chức phát hành*)
(*Người đại diện theo pháp luật*)
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục số 09

Mẫu Giấy đăng ký chào mua công khai

(Ban hành kèm theo Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Đồng kính gửi: Công ty (Tên Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào mua)

I. Giới thiệu về tổ chức/ cá nhân chào mua công khai

1. Đối với tổ chức chào mua công khai

a) Tên tổ chức chào mua công khai (*đầy đủ*):

b) Tên giao dịch:

c) Vốn điều lệ:

d) Địa chỉ trụ sở chính:

đ) Điện thoại:

Fax:

e) Nơi mở tài khoản:

Số hiệu tài khoản:

g) Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ...

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Thị phần trong các lĩnh vực hoạt động của công ty:

- Tổng mức vốn kinh doanh:

2. Đối với cá nhân chào mua công khai

a) Tên cá nhân thực hiện chào mua công khai:

b) Ngày sinh:

c) Số CMTND hoặc hộ chiếu: Cấp ngày: Nơi cấp:

d) Địa chỉ:

đ) Điện thoại:

II. Tên công ty mục tiêu

III. Mối quan hệ giữa công ty chào mua công khai với công ty mục tiêu

IV. Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của tổ chức/ cá nhân chào mua đối với công ty mục tiêu

V. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu dự kiến thực hiện chào mua

VI. Giá chào mua

VII. Nguồn vốn thực hiện chào mua

VIII. Phương pháp xác định giá chuyển đổi (trong trường hợp hoán đổi cổ phần)

IX. Mục đích chào mua và dự kiến kế hoạch hoạt động, kinh doanh sau khi thực hiện chào mua

X. Thời điểm chào mua và thời hạn dự kiến hoàn tất việc chào mua

XI. Điều kiện hủy bỏ đợt chào mua (nếu có)

XII. Thời hạn và phương thức thanh toán

XIII. Tên công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện việc chào mua

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/ cá nhân chào mua công khai
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

MẪU SỐ 12B

Phụ lục số 11

Mẫu Báo cáo kết quả chào mua công khai

(Ban hành kèm theo Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sau khi kết thúc đợt chào mua, (tên tổ chức, cá nhân chào mua), báo cáo về kết quả đợt chào mua như sau:

I. Tổ chức/cá nhân chào mua công khai:

1. Đối với tổ chức chào mua công khai

a) Tên tổ chức chào mua công khai (*đầy đủ*):

b) Tên giao dịch:

c) Vốn điều lệ:

d) Địa chỉ trụ sở chính:

đ) Điện thoại:

Fax:

e) Nơi mở tài khoản:

Số hiệu tài khoản:

g) Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ...

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Thị phần trong các lĩnh vực hoạt động của công ty:

- Tổng mức vốn kinh doanh:

2. Đối với cá nhân chào mua công khai:

a) Tên cá nhân thực hiện chào mua công khai:

b) Ngày sinh:

c) Số CMTND hoặc hộ chiếu:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:

d) Địa chỉ:

đ) Điện thoại:

II. Tên công ty mục tiêu:

III. Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân chào mua đối với công ty mục tiêu trước khi chào mua:

IV. Số lượng/tỷ lệ cổ phiếu dự kiến chào mua:

V. Số lượng cổ phiếu mua được trong đợt chào mua:

VI. Số lượng/tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi chào mua của tổ chức/cá nhân chào mua đối với công ty mục tiêu:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/ cá nhân chào mua công khai

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

MẪU 13A

Phụ lục số 12A

Mẫu Thông báo phát hành cổ phiếu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 204 /2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng)

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số.... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... /.../...)

- 1- Tên tổ chức phát hành:
- 2- Địa chỉ trụ sở chính:
- 3- Số điện thoại:
- 4- Số Fax:
- 5- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*
- 6- Cổ phiếu chào bán:
 - Tên cổ phiếu:
 - Loại cổ phiếu:
 - Mệnh giá:
 - Số lượng đăng ký chào bán:
- 7- Khối lượng vốn cần huy động:
- 8- Mục đích huy động vốn:
- 9- Giá bán ra công chúng *(trường hợp giá xác định qua đấu thầu thì nêu phương thức đấu thầu)*
- 10- Số lượng đăng ký mua tối thiểu:
- 11- Thời hạn nhận đăng ký mua: Từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...
- 12- Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu và công bố Bản cáo bạch:
(Tên, số điện thoại liên hệ, địa điểm của các đại lý phát hành).
- 13- Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu: *(tên, địa chỉ, số điện thoại)*

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13B

Phụ lục số 12B

Mẫu Thông báo phát hành trái phiếu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng)

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận chào bán số.... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... /.../...)

- 1- Tên tổ chức phát hành:
- 2- Địa chỉ trụ sở chính:
- 3- Số điện thoại:
- 4- Số Fax:
- 5- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành:
- 6- Trái phiếu chào bán:
 - Tên trái phiếu:
 - Loại trái phiếu:
 - Mệnh giá:
 - Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán:
 - Số lượng trái phiếu bán thẳng cho nhà đầu tư có tổ chức *(nếu có)*:
 - Thời hạn trái phiếu: ... năm
 - Kỳ hạn trả lãi:
 - Lãi suất: ...%/năm
- 7- Khối lượng vốn cần huy động:
- 8- Mục đích huy động vốn:
- 9- Giá bán ra công chúng *(trường hợp giá xác định qua đấu thầu thì nêu phương thức đấu thầu)*
- 10- Số lượng đăng ký mua tối thiểu:
- 11- Thời hạn nhận đăng ký mua: Từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...
- 12- Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu và công bố Bản cáo bạch: *(Tên, số điện thoại liên hệ, địa điểm của các đại lý phát hành)*.
- 13- Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua trái phiếu: *(tên, địa chỉ, số điện thoại)*
- 14- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người đầu tư:

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Quy trình này do HĐQT Tổng công ty ban hành và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định. Các ông (bà) UVHĐQT, Ban Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý, Trưởng các phòng ban nghiệp vụ, Giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, Giám đốc và Kế toán trưởng các Công ty con, Người đại diện phụ trách chung ở các doanh nghiệp, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, Người được ủy quyền CBTT và thành viên tổ cung cấp thông tin chịu trách nhiệm thực hiện việc cung cấp thông tin và CBTT theo quy trình này.
2. Những nội dung liên quan chưa được quy định trong quy trình này thì được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế nội bộ của Tổng công ty.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về nội dung quy trình, thay đổi, bổ sung chính sách pháp luật của Nhà nước sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Dũng